

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9271 /UBND-NN

Long Thành, ngày 12 tháng 10 năm 2018

V/v kết quả công tác quản lý
chất lượng vật tư nông nghiệp
và an toàn thực phẩm trên địa
bàn tỉnh giai đoạn 2016-2018

Kính gửi:

- Các phòng: Kinh tế, Y tế, Tài chính - Kế hoạch; Văn hóa Thông tin;
- Đội quản lý thị trường số 4;
- Các trạm: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Khuyến nông, Chăn nuôi và Thú y;
- UBND các xã, thị trấn.

UBND huyện nhận được Báo cáo số 3724/BC-SNN ngày 04/10/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thực hiện công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2018 (Báo cáo và hồ sơ đính kèm);

Về nội dung này, Chủ tịch UBND huyện Long Thành có ý kiến như sau:

Giao phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp phòng Y tế, phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Văn hóa Thông tin, Đội quản lý thị trường số 4, trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Long Thành –Nhơn Trạch, trạm Khuyến nông, trạm Chăn nuôi và Thú y, UBND các xã, thị trấn và các đơn vị liên quan cập nhật, triển khai thực hiện nội dung Báo cáo số 3724/BC-SNN ngày 10/10/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo lĩnh vực, thẩm quyền mỗi cơ quan, đơn vị phụ trách; kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND huyện các nội dung có liên quan trên địa bàn huyện.

Báo cáo kết quả thực hiện gửi đến UBND huyện kịp thời./. *zh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu VT- TH (NN-ĐN).

D:\NN\2018\Congvan\SNN-3724.doc

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thùy Linh
Nguyễn Thị Thùy Linh

Số: 824/BC-SNN

Đồng Nai, ngày 04 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2018

Thực hiện Quyết định số 61/QĐ-HĐND ngày 11/9/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2018, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai chính sách, pháp luật:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành:

+ Kế hoạch hành động năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Kế hoạch số 3124/KH-UBND ngày 22/4/2016).

+ Kế hoạch Năm cao điểm hành động vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Kế hoạch số 3311/KH-UBND ngày 12/4/2017).

+ Kế hoạch hành động bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2018 (Kế hoạch số 3411/KH-UBND ngày 09/4/2018).

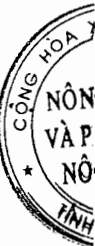
+ Quyết định về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (Quyết định số 1800/QĐ-UBND ngày 30/5/2017).

+ Quyết định về việc công bố Bộ Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 27/8/2018).

- Ban hành Kế hoạch triển khai Năm cao điểm thanh tra, kiểm tra vật tư nông nghiệp (Kế hoạch số 837/KH-SNN ngày 21/3/2016).

- Ban hành Kế hoạch triển khai Năm cao điểm thanh, kiểm tra chuyên ngành về quản lý vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017 (Kế hoạch số 1021/KH-SNN ngày 28/3/2017).

- Ban hành Kế hoạch triển khai Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT và Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông



thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2017 (Kế hoạch số 1257/KH-SNN ngày 14/4/2017).

- Ban hành Kế hoạch xây dựng “Chuỗi cung ứng rau, củ, quả an toàn vào chợ đầu mối nông sản Dầu Giây giai đoạn 2017 – 2020” (Kế hoạch số 1821/KH-SNN ngày 17/5/2017).

- Ban hành Kế hoạch công tác đảm bảo an toàn thực phẩm lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2017 (Kế hoạch số 939/KH-SNN ngày 23/3/2017); các báo cáo định kỳ trong: 6 tháng đầu năm 2017, 9 tháng đầu năm 2017, năm 2017; 6 tháng đầu năm 2018, 9 tháng đầu năm 2018.

- Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc “tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm” trong 9 tháng đầu năm 2016; năm 2016; Quý I/2017; Quý II/2017; Quý III/2017; Quý IV/2017; từ năm 2016 đến tháng 10/2017; Quý I/2018; Quý II/2018; Quý III/2018.

- Báo cáo Kết quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản theo định kỳ: 6 tháng đầu năm 2016; 9 tháng đầu năm 2016; năm 2016; 6 tháng đầu năm 2017; tháng 7/2017; tháng 8/2017; tháng 9/2017; tháng 10/2017; tháng 11/2017; năm 2017; tháng 4/2018; tháng 5/2018; 6 tháng đầu năm 2018; tháng 7/2018; tháng 8/2018; tháng 9/2018.

- Báo cáo thực hiện Thông báo số 07/TB-VPCP ngày 06/01/2017 của Văn phòng Chính phủ theo Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam tại cuộc họp Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về vệ sinh an toàn thực phẩm (Văn bản báo cáo số 491/SNN-KHTC ngày 17/02/2017).

- Chủ trì 09 Đoàn kiểm tra liên ngành theo sự phân công của Ban chỉ đạo bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Đồng Nai (Trước, trong, sau Tết Nguyên đán Bính Thân và mùa Lễ hội Xuân 2016; Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2016; Tết Trung thu năm 2016; Trước, trong, sau Tết Nguyên đán Đinh Dậu và mùa Lễ hội Xuân 2017; Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2017; Tết Trung thu năm 2017; Trước, trong, sau Tết Nguyên đán Mậu Tuất và mùa Lễ hội Xuân 2018; Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2018).

- Thực hiện các Văn bản chỉ đạo của cấp trên; các Chương trình, Đề án, Dự án về sản xuất nông lâm thủy sản an toàn thực phẩm:

- + Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 21/10/2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới.

- + Nghị quyết số 43/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về ATTP giai đoạn 2016 – 2020.

- + Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về việc “tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm”.

+ Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 30/06/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Kế hoạch số 9742/KH-UBND-MTTQ ngày 17/10/2016 của UBND tỉnh và Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai về triển khai thực hiện Chương trình phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020.

+ Kế hoạch xây dựng “Chuỗi cung ứng rau, củ, quả an toàn vào chợ đầu mối nông sản Dầu Giây giai đoạn 2017 – 2020” (Kế hoạch số 1821/KH-SNN ngày 17/5/2017).

+ Kế hoạch thực hiện đổi mới tổ chức sản xuất phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của UBND tỉnh).

+ Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 2252/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của UBND tỉnh).

+ Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực thủy sản giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 2253/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của UBND tỉnh).

+ Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của UBND tỉnh).

- Trình UBND tỉnh phê duyệt Dự thảo đề cương 3 Dự án:

+ Truy xuất nguồn gốc thực phẩm thiết yếu có nguồn gốc động vật;

+ Quản lý trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm;

+ Xây dựng vùng chăn nuôi an toàn cho nông nghiệp công nghệ cao.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2016 (Kế hoạch số 835/KH-SNN ngày 21/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

2. Tổ chức thực hiện:

2.1. Thông tin, truyền thông về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản:

(Kết quả thực hiện thống kê phụ lục 2 đính kèm).

- Đánh giá: công tác thông tin, truyền thông được triển khai đến từng địa phương với nhiều hình thức tuyên truyền phong phú (hội thi, hội thảo, hội nghị, phóng sự, bài viết trên báo, băng rôn, khẩu hiệu, áp phích, tờ rơi, pano, xe hoa

diễn hành, ...). Nội dung tuyên truyền tập trung vào quảng bá và giới thiệu các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất sản phẩm an toàn để kết nối với các công ty, xí nghiệp, trường học, bệnh viện, ... nhằm đưa sản phẩm sạch, an toàn đến người tiêu dùng; đồng thời chú trọng tuyên truyền về những vấn đề đang gây bức xúc xã hội mất an toàn thực phẩm như chất cấm trong chăn nuôi; dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong rau, củ, quả; sử dụng phụ gia, hóa chất bảo quản ngoài danh mục cho phép trong chế biến, kinh doanh thực phẩm. Qua công tác thông tin, truyền thông đã giúp các doanh nghiệp, cơ sở ký kết các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm an toàn; nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cộng đồng về việc sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, kinh doanh, vận chuyển sản phẩm nông lâm thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm góp phần cung cấp sản phẩm sạch và an toàn đến tay người tiêu dùng, nâng cao chất lượng cuộc sống.

2.2. Hỗ trợ xây dựng, kết nối chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn:

a) Triển khai kiểm soát an toàn thực phẩm theo chuỗi, xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn:

- Đến nay đã xây dựng và triển khai thực hiện: 17 chuỗi (02 chuỗi thịt heo tươi, 01 chuỗi sản phẩm chế biến từ thịt heo, 03 chuỗi thịt gà tươi, 01 chuỗi trứng, 08 chuỗi chợ truyền thống, 02 chuỗi nấm); với 12 sản phẩm được kiểm soát theo chuỗi (thịt heo tươi; chả lụa; giò thủ; xúc xích; pate; jambon; thịt gà tươi; trứng gà; thịt bò tươi; rau, củ, quả; lòng heo; nấm bào ngư); thực hiện được 201 điểm bày bán sản phẩm an toàn giới thiệu đến người tiêu dùng các loại sản phẩm chủ lực của tỉnh như thịt heo, thịt gà, trứng, sản phẩm chế biến từ thịt, rau quả và nấm được đăng tải trong chuyên mục “Địa chỉ xanh – Nông sản sạch” tại địa chỉ website <http://nafiqad.gov.vn/> của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong công tác kiểm soát an toàn thực phẩm theo chuỗi; hướng dẫn các cơ sở tham gia chuỗi tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm; định kỳ lấy mẫu giám sát lại các điểm bày bán đã được cấp giấy xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn và chưa phát hiện các nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm.

(Danh sách chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn thống kê ở phụ lục 3 đính kèm).

- Đánh giá:

+ Việc xây dựng, kết nối sản phẩm và chuỗi sản phẩm an toàn đã nâng cao ý thức, trách nhiệm cho các cơ sở trong chuỗi thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm.

+ Tạo liên kết ổn định bền vững cho các thành viên tham gia chuỗi từ khâu sản xuất đến sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

+ Góp phần thực hiện tốt việc giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm để cung ứng các sản phẩm an toàn tới tay người tiêu dùng, tăng giá trị sản phẩm, nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Thực hiện các chuỗi liên kết giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông lâm thủy sản:

** Đối với lĩnh vực chăn nuôi:*

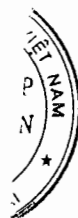
Lũy kế đến nay đã thực hiện:

- Có 552 cơ sở (gồm 276 trại gà, 16 trại vịt, 02 trại cút, 225 trại heo và 03 trại bò) đã được cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch; xây dựng 02 vùng an toàn dịch bệnh đối với bệnh cúm gia cầm và Newcastle trên đàn gia cầm tại huyện Trảng Bom và huyện Thống Nhất; xây dựng 10 xã vùng đệm phục vụ chuỗi xuất khẩu thịt gà chế biến sang Nhật Bản của Công ty TNHH Koyu & Unitek, hiện đã xuất được 400 tấn ức gà chế biến sang Nhật.

- Có 90 trang trại chăn nuôi đạt chứng nhận VietGAHP, trong đó có 24 trang trại chăn nuôi gà, 64 trang trại chăn nuôi heo và 02 trang trại chăn nuôi bò.

- Xây dựng được 03 vùng GAHP tại huyện Thống Nhất, huyện Xuân Lộc và thị xã Long Khánh; tổng cộng 69 Tổ hợp tác/nhóm GAHP với 987 hộ tham gia. Đến nay có 46 Tổ hợp tác (với 638 hộ thành viên) được chứng nhận VietGAHP nông hộ.

- Tổng số heo thịt có mặt thường xuyên tại các cơ sở áp dụng VietGAHP hiện nay: 538.000 con, chiếm tỷ lệ 31,9% tổng đàn heo thịt trên địa bàn tỉnh. Tổng số gà thịt tại các cơ sở áp dụng VietGAHP hiện nay: 7.600.000 con/năm, chiếm tỷ lệ 19% tổng đàn gà thịt xuất bán 1 năm.



** Đối với lĩnh vực trồng trọt:*

Lũy kế đến nay đã thực hiện:

- Hỗ trợ, hướng dẫn 09 doanh nghiệp và 18 HTX xây dựng 33 dự án cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản với tổng diện tích thực hiện là 9.975 ha với 7.031 hộ nông dân tham gia.

- Về áp dụng quy trình GAP: các sản phẩm trồng trọt đã được cấp giấy chứng nhận VietGAP, GlobalGAP là rau, xoài, chôm chôm, chuối, ổi, sầu riêng, bưởi, măng cầu, thanh long, dưa lưới, tiêu. Đến nay tổng diện tích đạt chứng nhận GAP là 339,28 ha.

- Ngoài ra diện tích ca cao sản xuất đạt chứng chỉ UTZ là 210 ha (Công ty TNHH ca cao Trọng Đức); sản xuất cà phê đạt tiêu chuẩn 4C là 282 ha (Tổng công ty Tín Nghĩa).

- Đến nay đã xây dựng 10 sản phẩm đã có nhãn hiệu: xoài La Ngà, bưởi Tân Triều, rau Trường An, sầu riêng Long Khánh, chuối Thanh Bình, tiêu Xuân Lộc, tiêu Thanh Bình, điều Donafod, rau mầm Hoàng Anh, gạo sạch Tân Bình Lục; đã xây dựng chỉ dẫn địa lý với bưởi Tân Triều và chôm chôm Long Khánh.

- Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng (PUC) xoài, bao gồm: 16,54 ha Xoài Đài Loan xanh và 23,86 ha Xoài Bưởi/Xoài Ghép tại HTX Suối Lớn (xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai); 9,6 ha Xoài Đài Loan xanh/Xoài Ba Màu tại Tổ hợp tác Cây Xoài (xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai); 10 ha Xoài Đài Loan xanh/Xoài Ba Màu tại Tổ hợp tác sản xuất - kinh doanh xoài (xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai).

- Đã hình thành 25 vùng sản xuất tập trung, trong đó một số sản phẩm có cơ hội xuất khẩu như xoài, cà phê, tiêu, điều. Xoài tập trung ở xã Phú Lý (huyện Vĩnh Cửu), xã La Ngà (huyện Định Quán), xã Xuân Hưng (huyện Xuân Lộc); cà phê ở xã Phú Tân, xã Thanh Sơn (huyện Định Quán), xã Phú Lộc, xã Phú Thịnh, xã Phú Xuân (huyện Tân Phú); tiêu ở xã Suối Nho (huyện Định Quán), xã Phú Lộc, xã Phú Thịnh, xã Phú Xuân, xã Trà Cỏ (huyện Tân Phú), xã Xuân Bắc, xã Xuân Thọ, xã Xuân Hiệp, xã Suối Cao (huyện Xuân Lộc), xã Lâm San, xã Xuân Đông, xã Xuân Tây (huyện Cẩm Mỹ); cây điều ở xã An Viễn (huyện Trảng Bom), xã Suối Cao, xã Xuân Bắc, xã Xuân Hòa, xã Xuân Tâm, xã Xuân Hưng (huyện Xuân Lộc) và huyện Long Thành.

** Đối với lĩnh vực thủy sản:*

Lũy kế đến nay đã thực hiện: xây dựng 04 vùng nuôi đạt tiêu chuẩn VietGAP (01 Tổ hợp tác nuôi tôm càng xanh tại huyện Tân Phú; 01 Tổ hợp tác nuôi tôm thẻ chân trắng tại huyện Nhơn Trạch; 01 Tổ hợp tác nuôi cá lóc, cá rô tại huyện Định Quán; 01 Tổ hợp tác nuôi cá tra tại huyện Vĩnh Cửu) với tổng diện tích nuôi trồng là 100,02 ha và tổng sản lượng là 5050 tấn/năm.

2.3. Lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm:

(Kết quả thực hiện thống kê ở phụ lục 4 đính kèm).

Đánh giá: nhờ thực hiện tốt công tác tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra thường xuyên và thực hiện xử lý vi phạm theo đúng quy định pháp luật cho nên trong 6 tháng đầu năm 2018 tỷ lệ mẫu vi phạm có xu hướng giảm so với năm 2016 và năm 2017. Đối với các sản phẩm nhiễm đã có văn bản yêu cầu cơ sở thực hiện việc truy xuất nguyên nhân, có biện pháp khắc phục; không cấp giấy xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho điểm bày bán sản phẩm và tiếp tục tập trung giám sát trong thời gian tiếp theo. Kết quả cụ thể như sau:

- Về tồn dư hóa chất, kháng sinh trong sản phẩm thịt các loại:

+ Năm 2016 lấy: 39 mẫu thịt; 24 mẫu sản phẩm chế biến từ thịt heo. Kết quả: 39/39 mẫu thịt (tỷ lệ 100%) và 24/24 mẫu sản phẩm chế biến từ thịt (tỷ lệ 100%) đạt yêu cầu.

+ Năm 2017 lấy: 738 mẫu thịt; 31 mẫu sản phẩm chế biến từ thịt heo. Kết quả: 01 mẫu thịt gà/738 mẫu thịt (tỷ lệ 0,13%) nhiễm kháng sinh; 04/31 mẫu sản phẩm chế biến từ thịt heo (tỷ lệ 16,13%) nhiễm chất bảo quản, chất cấm.

+ 6 tháng đầu năm 2018 lấy: 98 mẫu thịt; 05 mẫu sản phẩm chế biến từ thịt heo. Kết quả: 98/98 mẫu thịt (tỷ lệ 100%) và 05/05 mẫu sản phẩm chế biến từ thịt heo (tỷ lệ 100%) đạt yêu cầu.

- Về tồn dư hóa chất, chất cấm, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong rau, củ, quả và sản phẩm có nguồn gốc thực vật khác:

+ Năm 2016 lấy: 287 mẫu rau, củ, quả. Kết quả 10/287 mẫu rau, củ, quả (tỷ lệ 3,48%) nhiễm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật; 05/287 mẫu rau, củ, quả (tỷ lệ 1,74%) nhiễm dư lượng Nitrate.

+ Năm 2017 lấy: 452 mẫu rau, củ, quả; 02 mẫu sản phẩm nguồn gốc thực vật khác. Kết quả 01/452 mẫu rau, củ, quả (tỷ lệ 0,22%) nhiễm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật; 02/02 mẫu sản phẩm nguồn gốc thực vật khác (tỷ lệ 100%) đạt yêu cầu.

+ 6 tháng đầu năm 2018 lấy: 306 mẫu rau, củ, quả; 22 mẫu sản phẩm nguồn gốc thực vật khác. Kết quả: 02/306 mẫu rau, củ, quả (tỷ lệ 0,65%) nhiễm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật; 22/22 mẫu sản phẩm nguồn gốc thực vật khác (tỷ lệ 100%) đạt yêu cầu.

- Về tồn dư hóa chất, kháng sinh trong thủy sản nuôi:

+ Năm 2017 lấy: 70 mẫu thủy sản nuôi. Kết quả: 70/70 mẫu thủy sản nuôi (tỷ lệ 100%) đạt yêu cầu.

+ 6 tháng đầu năm 2018 lấy: 04 mẫu thủy sản nuôi. Kết quả: 04/04 mẫu thủy sản nuôi (tỷ lệ 100%) đạt yêu cầu.

2.4. Hoạt động cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; triển khai Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 ban hành Quy định điều kiện bảo đảm ATTP và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ:

a) Kết quả cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

(Kết quả thực hiện thống kê ở phụ lục 5 đính kèm).

- Công tác hậu kiểm đối với các cơ sở sau khi cấp giấy được thực hiện trong các đợt thanh tra, kiểm tra định kỳ của các năm kế tiếp.

- Nguyên nhân các cơ sở chưa được cấp giấy: một số cơ sở mới thành lập nên chưa kịp thời thực hiện đầy đủ các thủ tục để xin cấp giấy.

b) Kết quả triển khai Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 ban hành Quy định điều kiện bảo đảm ATTP và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ:

Tính đến nay có 37.090 cơ sở ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn, đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết của các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ của 3.356/37.090 cơ sở (tỷ lệ 9,05%), phát hiện 293/3.356 cơ sở chưa

đạt yêu cầu (tỷ lệ 8,73%). Biện pháp xử lý: nhắc nhở, tuyên truyền và hướng dẫn các hộ tuân thủ nội dung đã cam kết.

2.5. Hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm:

Đánh giá: nhờ thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn, nhắc nhở nên mức độ vi phạm của các cơ sở giảm dần theo từng năm, cụ thể như sau:

a) Năm 2016:

- Tổng số cơ sở bao gồm sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản quản lý là 2.316 cơ sở, trong đó:

+ Cấp tỉnh quản lý 424/2.316 cơ sở, tỷ lệ 18,31%;

+ Cấp huyện quản lý 1.892/2.316 cơ sở, tỷ lệ 81,69%.

- Số cơ sở thanh tra, kiểm tra đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm là 2.176/3.339, tỷ lệ 65,17% (trong đó 1.023 cơ sở thanh, kiểm tra lần 2).

b) Năm 2017:

- Tổng số cơ sở bao gồm sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản quản lý là 2.718 cơ sở, trong đó:

+ Cấp tỉnh quản lý 395/2.718 cơ sở, tỷ lệ 14,53%;

+ Cấp huyện quản lý 2.323/2.718 cơ sở, tỷ lệ 85,47%.

- Số cơ sở thanh tra, kiểm tra đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm là 2.679/3.430, tỷ lệ 78,1% (trong đó 712 cơ sở thanh, kiểm tra lần 2).

c) 6 tháng đầu năm 2018:

- Tổng số cơ sở bao gồm sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản quản lý là 2.811 cơ sở, trong đó:

+ Cấp tỉnh quản lý 384/2.811 cơ sở, tỷ lệ 13,66%;

+ Cấp huyện quản lý 2.427/2.811 cơ sở, tỷ lệ 86,34%.

- Số cơ sở thanh tra, kiểm tra đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm là 1.851/2.157, tỷ lệ 85,81%.

Các lỗi vi phạm thường mắc phải tại một số cơ sở: điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ chưa đảm bảo an toàn thực phẩm và chưa đảm bảo các điều kiện vệ sinh; công nhân chưa khám sức khỏe và xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm hoặc thực hiện chưa đầy đủ; chưa công bố chất lượng sản phẩm hoặc công bố chưa đầy đủ; chưa thực hiện phân tích sản phẩm định kỳ theo quy định; chưa thực hiện hoặc thực hiện ghi chép nhưng không đầy đủ để phục vụ việc truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm không đảm bảo an toàn; sử dụng hóa chất, bảo quản hóa chất trong sản xuất, chế biến thực phẩm ngoài danh mục cho phép hoặc bảo quản hóa chất chưa đảm bảo an toàn thực phẩm; chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc phân tích chất lượng nguồn nước định kỳ

theo quy định; chưa trang bị hoặc trang bị không đầy đủ các trang thiết bị phòng chống côn trùng động vật gây hại; chưa có dấu mộc kiểm soát của cơ quan thú y; ...

(Kết quả thực hiện thống kê ở phụ lục 1 đính kèm).

2.6. Giải quyết các sự cố gây mất an toàn thực phẩm:

a) Năm 2016:

- Ngày 13/10/2016, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Bà Rịa Vũng Tàu có Văn bản số 580/QLCL phản ánh về việc hộ kinh doanh thịt gia cầm sử dụng chất vàng ô. Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Đồng Nai đã triển khai thực hiện, kết quả như sau:

+ Đã có Văn bản số 828/CCQLCL-TTPC ngày 25/10/2016 gửi UBND huyện Xuân Lộc về việc đề nghị UBND huyện Xuân Lộc – Đồng Nai chỉ đạo các cơ quan chức năng triển khai xác minh thông tin cơ sở ông Đỗ Công Danh sử dụng chất vàng ô trong kinh doanh thịt gia cầm.

+ Sau khi xác minh, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Đồng Nai đã có Văn bản số 930/CCQLCL-TTPC ngày 01/12/2016 báo cáo kết quả và tiếp tục truy xuất nguồn gốc hộ chăn nuôi gà sử dụng chất vàng ô để xử lý theo quy định pháp luật.

- Ngày 23/9/2016, Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 1024/CCTS-CLNT về việc phối hợp kiểm tra, tuyên truyền và xử lý ngăn chặn sử dụng chất cấm trong nuôi trồng thủy sản. Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Đồng Nai phối hợp với Chi cục Thủy sản Đồng Nai đã triển khai thực hiện, kết quả như sau:

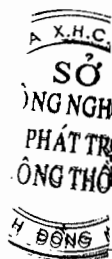
+ Đối với sản phẩm thủy sản tươi đã kiểm tra vùng nuôi và không xác định được nguyên nhân sản phẩm lây nhiễm kháng sinh, tiếp tục yêu cầu cơ sở nuôi kiểm soát vùng nuôi và thực hiện đúng quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản.

+ Đối với sản phẩm tôm sấy khô ăn liền đã truy xuất nguồn gốc tại cơ sở chế biến và lấy mẫu kiểm tra, kết quả không phát hiện.

b) Năm 2017:

Qua công tác thanh tra, kiểm tra năm 2017 đã phát hiện các trường hợp gây mất an toàn thực phẩm trong quá trình kinh doanh, vận chuyển và tịch thu, tiêu hủy: 1.000 kg xương heo, 300 kg mỡ heo, 4.300 kg bẹ sữa, 40 con heo lở mồm long móng, 300 kg thịt gà, 9.238,7 kg thịt heo, 965,3 kg thịt bò, 20 kg bò viên, 64,8 kg sản phẩm (bò viên, chả lụa, chả chay, mọc, ngó sen muối, củ dền muối), 0,5 kg chả chay, 1,9 kg tàu hũ ky, 35 kg trà, 108 bịch khô mực, 4.160 kg tiêu sọ, 2.805 kg quả sầu riêng.

c) 6 tháng đầu năm 2018:



- Qua công tác thanh tra, kiểm tra trong 6 tháng đầu năm 2018 đã phát hiện các trường hợp gây mất an toàn thực phẩm trong quá trình kinh doanh, vận chuyển và tịch thu, tiêu hủy: 151,4 kg mỡ heo; 3.233,3 kg thịt heo, bò; 212,1 kg lòng heo; 8,4 kg xương heo; 1.380 kg thịt gà; 62 kg thịt dê; 94 chai sản phẩm thức ăn chăn nuôi Palomet dạng lỏng.

- Phối hợp với Sở Công thương, Công an môi trường tỉnh thanh tra đột xuất 04 cơ sở sản xuất khoai mì cắt lát nhiễm lưu huỳnh tại huyện Nhơn Trạch. Kết quả: phạt tiền với tổng số tiền là 136.000.000 đồng; tịch thu, tiêu hủy 1.250 kg khoai mì cắt lát xông lưu huỳnh, 101 kg lưu huỳnh.

- Phối hợp với Công an môi trường tỉnh thanh tra đột xuất 01 cơ sở sơ chế nội tạng bò tại thành phố Biên Hòa. Kết quả: phạt tiền với tổng số tiền phạt là 38.000.000 đồng; tịch thu, tiêu hủy 20 kg nội tạng bò ngâm hóa chất.

3. Tăng cường nguồn lực:

3.1. Về tổ chức, bộ máy:

Các phòng, ban và các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm gồm:

- Thanh tra Sở;
- Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản;
- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- Chi cục Thủy sản.

3.2. Về nhân sự:

Về cơ bản biên chế của các đơn vị đáp ứng đủ yêu cầu và nhiệm vụ về quản lý nhà nước an toàn thực phẩm trên địa bàn; các công chức, viên chức đều được tập huấn nghiệp vụ thanh tra, lấy mẫu, kiểm nghiệm, ...; tuy nhiên lực lượng quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm tại các địa phương còn thiếu, nhất là lĩnh vực quản lý chất lượng an toàn thực phẩm.

3.3. Về cơ sở vật chất, kỹ thuật:

Các phòng và các đơn vị liên quan trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã bố trí đủ cơ sở vật chất, tuy nhiên vẫn còn một số cơ sở cũ đã xuống cấp, cần sửa chữa và xây dựng lại.

3.4. Về năng lực kiểm nghiệm, xét nghiệm:

Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đã được bố trí các test nhanh kiểm nghiệm chất lượng an toàn thực phẩm, tuy nhiên phần lớn các mẫu phân tích chủ yếu vẫn gửi các phòng thí nghiệm bên ngoài để kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm.

4. Kinh phí thực hiện:

- **Năm 2016:** tổng kinh phí đã thực hiện là 1.616.650.569 đồng, trong đó kinh phí thực hiện của các đơn vị thuộc Sở cụ thể như sau:

+ Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: 1.054.983.569 đồng;

+ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 227.897.000 đồng;

+ Chi cục Chăn nuôi và Thú y: 100.000.000 đồng;

+ Chi cục Thủy sản: 233.780.000 đồng.

- **Năm 2017:** tổng kinh phí đã thực hiện là 2.403.036.667 đồng, trong đó kinh phí thực hiện của các đơn vị thuộc Sở cụ thể như sau:

+ Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: 1.383.756.167 đồng;

+ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 432.730.000 đồng;

+ Chi cục Chăn nuôi và Thú y: 230.000.000 đồng;

+ Chi cục Thủy sản: 356.550.500 đồng.

- **6 tháng đầu năm 2018:** tổng kinh phí đã thực hiện là 905.027.971 đồng, trong đó kinh phí thực hiện của các đơn vị thuộc Sở cụ thể như sau:

+ Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: 429.988.971 đồng;

+ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 185.849.000 đồng;

+ Chi cục Chăn nuôi và Thú y: 50.000.000 đồng;

+ Chi cục Thủy sản: 239.190.000 đồng.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Kết quả đạt được:

- Về đánh giá, xếp hạng công tác quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản tại các địa phương theo Quyết định số 4070/QĐ-BNN-QLCL ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kết quả xếp hạng cụ thể như sau:

+ Năm 2016: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai xếp hạng 40/63 tỉnh/thành cả nước, tổng số điểm là 69,5 điểm (*Thông báo số 3273/TB-BNN-VP ngày 19/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

+ Năm 2017: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai xếp hạng 10/63 tỉnh/thành cả nước, tổng số điểm là 83 điểm (*Thông báo số 3059/TB-BNN-VP ngày 20/4/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*); Văn phòng Chính phủ ban hành Văn bản số 4285/VPCP-KGVX ngày 26/4/2017 về



việc “xây dựng chuỗi ATTP tại tỉnh Đồng Nai”, trong đó đánh giá cao nỗ lực của tỉnh Đồng Nai trong công tác xây dựng chuỗi an toàn thực phẩm.

- Nhìn chung công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến đáng kể trên các lĩnh vực, cụ thể như sau:

+ Về cơ quan quản lý nhà nước: đã có sự phân cấp, huy động được nguồn lực cấp huyện, cấp xã; đảm bảo các cơ sở đều có sự giám sát cụ thể của các đơn vị quản lý; công tác kiểm tra, thanh tra ngày càng đi vào chiều sâu, có sự phối hợp bài bản với các cơ quan, đơn vị liên quan, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Bộ máy quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm lĩnh vực nông nghiệp từng bước được kiện toàn.

+ Đối với các cơ sở: ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm ngày càng nâng cao, điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm được cải thiện rõ rệt, chất lượng, an toàn thực phẩm được cải thiện, dần mở rộng thị trường xuất khẩu. Người tiêu dùng có nhiều thông tin lựa chọn, nhận biết sản phẩm an toàn.

- Thông qua công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức và pháp luật về chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và triển khai quản lý an toàn thực phẩm theo chuỗi, nhận thức của cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông lâm thủy sản và người tiêu dùng ngày một nâng cao; việc chấp hành các quy định về điều kiện đảm bảo chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh từng bước được cải thiện; đã tạo ra một số liên kết trong chuỗi từ khâu sản xuất, đến sơ chế, chế biến và kinh doanh phân phối sản phẩm.

- Công tác quản lý và bảo đảm chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm có tiến bộ rõ rệt. Điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh bước đầu được cải thiện hơn. Diện tích trồng rau an toàn, chăn nuôi quy mô trang trại, kinh doanh thực phẩm an toàn tăng dần theo từng năm.

2. Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh các kết quả đạt được ở trên vẫn còn những tồn tại cần khắc phục như:

- Việc kết nối các công đoạn của chuỗi (giữa sản xuất với thu mua, thu gom, kinh doanh) gặp khó khăn hoặc có kết nối nhưng thiếu bền vững; nhận thức của người sản xuất trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt còn nhiều hạn chế. Các tổ chức Hợp tác xã và Tổ hợp tác chưa xây dựng phương án sản xuất, dẫn đến việc tổ chức sản xuất hàng hóa lớn gặp nhiều khó khăn, nhất là đối với các mô hình chuỗi, vì vậy số lượng thực phẩm an toàn sản xuất và cung ứng ra thị trường chưa đáp ứng được so với nhu cầu thực tế.

- Một số cơ sở sản xuất, kinh doanh vẫn còn xảy ra trình trạng sử dụng hóa chất, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến không đúng quy định, không rõ nguồn gốc xuất xứ; một số cơ sở chế biến nhất là đối với các cơ sở quy mô nhỏ lẻ không đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm (không thực hiện việc ghi chép mua bán sản phẩm để phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, sử dụng phụ gia không đúng với hồ sơ công bố; chưa thực hiện việc kiểm nghiệm chất lượng nước theo định kỳ; chưa trang bị trang phục bảo hộ lao động cho công nhân và không có phòng thay trang phục bảo hộ lao động; chưa có biện pháp phòng chống côn trùng và động vật gây hại; sắp xếp khu vực kinh doanh chưa theo nguyên tắc một chiều; thực phẩm tươi sống để chung thực phẩm đã qua chế biến; chưa thực hiện việc khám sức khỏe và xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho người lao động; ...).

3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế:

3.1. Nguyên nhân khách quan:

- Các loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Nông nghiệp quản lý đa dạng, phong phú. Sản xuất nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ vẫn là phổ biến, liên doanh, liên kết trong sản xuất, kinh doanh rất yếu; trình độ canh tác, công nghệ sơ chế, chế biến còn lạc hậu, ... gây khó khăn cho việc quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm.

- Chưa có chính sách đủ mạnh để khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nhất là nông nghiệp công nghệ cao, đảm bảo chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm. Việc liên kết đầu tư tiêu thụ sản phẩm chưa được sự quan tâm của các doanh nghiệp vì khả năng thu lợi thấp và chịu nhiều rủi ro hơn so với các lĩnh vực khác.

3.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Chưa có sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo các cấp địa phương, đặc biệt là cấp xã chưa được coi trọng. Hệ thống quản lý cơ sở tuyến huyện, xã chưa có bộ phận chuyên trách, gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý nhà nước lĩnh vực được giao.

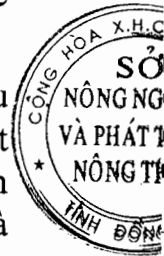
- Áp lực của việc nâng cao năng suất vật nuôi, cây trồng cũng làm tăng việc sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất thực phẩm. Đây là nguyên nhân quan trọng gây ô nhiễm thực phẩm, tồn dư hóa chất trong sản phẩm thực phẩm.

- Ý thức chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm và trách nhiệm của một số bộ phận người sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với cộng đồng chưa cao, còn chạy theo lợi nhuận không quan tâm đến đạo đức kinh doanh.

III. KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM CÔNG TÁC TRONG THỜI GIAN TỚI:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai chính sách, pháp luật:

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong công tác quản lý nhà nước về chất lượng vật tư



nông nghiệp và an toàn thực phẩm. Thực hiện nghiêm nội dung Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 21/10/2011 của Ban Bí thư; Nghị quyết số 43/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 30/06/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Tổ chức thực hiện tốt các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với nông sản, thủy sản trên địa bàn tỉnh, trước hết là các sản phẩm chủ lực, lợi thế, sản phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người dân, trong suốt quá trình sản xuất từ khâu trồng trọt, chăn nuôi, thu hoạch, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản đến khi sản phẩm được đưa ra thị trường trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng, yêu cầu hội nhập trong tình hình mới. Biểu dương khen thưởng kịp thời các cá nhân, tổ chức có thành tích tốt trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, nhất là những cá nhân phát hiện và cung cấp thông tin về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản không an toàn; nhân rộng các điển hình tiên tiến ra cộng đồng.

2. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật:

2.1. Thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản:

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông. Phối hợp chặt chẽ giữa ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị khác, các cơ quan truyền thông và các hội, hiệp hội ngành hàng trong truyền thông giáo dục, giám sát thực thi pháp luật về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm để đem lại những kết quả thiết thực, tạo chuyển biến mạnh mẽ cho công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Nâng cao số lượng, chất lượng các tài liệu, nội dung truyền thông, tập trung vào các nội dung mang tính hướng dẫn, định hướng thay đổi các hành vi và các biện pháp thực hiện đảm bảo an toàn thực phẩm, phù hợp với từng đối tượng. Đa dạng hóa các loại hình truyền thông: bản tin, phóng sự, tờ rơi, tờ gấp, poster, ...

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về tác hại của việc sử dụng chất cấm hoặc lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, kháng sinh; chất bảo quản, phụ gia, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y ngoài danh mục; hướng dẫn cho các cơ sở sản xuất áp dụng thực hành sản xuất tốt (VietGAP, GMP); tuân thủ 04 đúng về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; phổ biến người tiêu dùng hiểu biết và ủng hộ sản phẩm an toàn có xác nhận.

- Cập nhật công khai kết quả phân loại A, B, C các cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản; thông tin về các chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn, về địa chỉ nơi bày bán sản phẩm nông lâm thủy sản được kiểm soát an toàn thực phẩm theo chuỗi và xác nhận an toàn đến người tiêu dùng.

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng văn bản pháp luật mới về chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản.

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật về an toàn thực phẩm cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; các Phòng Nông nghiệp/ Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố.

2.2. Hỗ trợ xây dựng, kết nối chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn:

- Tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch chuỗi cung ứng rau, củ, quả an toàn vào chợ đầu mối Dầu Giây giai đoạn 2017 – 2020.

- Xây dựng Dự án Cánh đồng lớn, tổ chức liên kết chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai giám sát sản phẩm nông lâm thủy sản theo chuỗi và triển khai kiểm soát an toàn thực phẩm, cấp giấy xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn đối với sản phẩm nấm, thịt, các sản phẩm chế biến từ thịt, rau, củ, quả.

2.3. Hoạt động lấy mẫu, giám sát an toàn thực phẩm:

Tập trung vào kiểm soát chất cấm, kháng sinh trong chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật trong trồng trọt; phụ gia, hóa chất bảo quản trong chế biến và kinh doanh thực phẩm.

2.4. Hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm:

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng Công an, Y tế, Công thương phát hiện, điều tra, triệt phá dứt điểm các đường dây nhập lậu, tàng trữ, lưu thông, buôn bán chất cấm, hóa chất, kháng sinh, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục được phép sử dụng trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

- Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra các cơ sở sản xuất, chế biến sản phẩm cà phê.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm về chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật. Thanh tra 100% cơ sở loại C và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh công tác ký cam kết đảm an toàn thực phẩm, kiểm tra sau khi ký cam kết đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ theo Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT.

- Tăng cường công tác thanh tra chuyên ngành các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông lâm thủy sản nhằm kịp thời phát hiện



và xử lý nghiêm các vi phạm về chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

2.5. Giải quyết các sự cố gây mất an toàn thực phẩm:

Duy trì đường dây nóng tiếp tục tiếp nhận các thông tin phản ánh tình trạng mất an toàn thực phẩm trên địa bàn và thực hiện truy xuất nguyên nhân mất an toàn thực phẩm để có biện pháp xử lý kịp thời.

3. Tăng cường nguồn lực:

Tăng cường đào tạo, tập huấn cho cán bộ công chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm; trong đó có lực lượng cộng tác viên và các Trạm trực thuộc của các Chi cục.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: Không.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Nai, kính gửi HĐND tỉnh để xem xét và có ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Các Chi cục: QLCL NLS&TS, TT&BVTV, CN&TY, TS;
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Thành Vinh

Phụ lục 1:

Kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành nông nghiệp

(Đính kèm Báo cáo số 324/BC-SNN ngày 04/10/2018)

I. NĂM 2016:

Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra

TT	Loại hình cơ sở	Tổng số cơ sở	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
I	Cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp	1389	1260	1012	80,32
1	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi	370	289	248	85,81
2	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc thú y	240	136	133	97,79
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây nông nghiệp	84	116	80	68,97
4	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây lâm nghiệp	14	8	7	87,5
5	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	254	382	311	81,41
6	Cơ sở sản xuất, kinh doanh phân bón	427	329	233	70,82
II	Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản	927	2055	1164	56,64
1	Cơ sở chăn nuôi	374	0		
2	Cơ sở giết mổ	116	1540	758	49,22
3	Cơ sở sơ chế, chế biến động vật và sản phẩm động vật trên cạn	67	68	49	72,06
4	Cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản	2	2	2	100
5	Cơ sở trồng trọt	11	64	46	71,88
6	Cơ sở sơ chế, chế biến rau, củ, quả	37	14	11	78,57
7	Cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm các loại cây công nghiệp (chè, cà phê, ca cao, tiêu, điều, đường mía...)	138	104	76	73,08
8	Cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm cây lương thực	42	16	11	68,75
9	Cơ sở kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản	139	247	211	85,43
10	Cơ sở sản xuất kinh doanh muối ăn và cơ sở loại hình khác	1	0		
III	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (kiểm tra liên ngành do cấp tỉnh thực hiện)	24	24	0	0
Tổng số (I + II + III)		2340	3339	2176	65,17

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được
----	----------------------------	----------	------------------------

			kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	3339	
2	Số cơ sở có vi phạm	1163	34,83
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý	1163	34,83
Trong đó:			
3.1	Hình thức phạt chính:	554	16,59
	Số cơ sở bị cảnh cáo	16	
	Số cơ sở bị phạt tiền	538	
	Tổng số tiền phạt	2.944.249.750	
3.2	Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả	380	11,38
*	Số cơ sở bị đóng cửa	1	
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm	346	
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy	2	
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn	36	
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục	71	
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo		
	Số loại tài liệu quảng cáo bị đình chỉ lưu hành		
*	Các xử lý khác	2	
	Buộc thu hồi trả về nhà sản xuất (sản phẩm vi phạm về hợp quy)	1	
	Buộc thu hồi trả về nhà sản xuất để tái chế (vi phạm về chất lượng)	1	
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý	18	0,54
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)	211	6,32

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Tổng cơ sở được kiểm tra	Tổng số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	382	69	18,06
2	Quy định về sử dụng chất cấm, thuốc kháng sinh trong chăn nuôi	1965	16	0,81
3	Điều kiện trang thiết bị dụng cụ	3339	41	1,23
4	Điều kiện về con người	3339	61	1,83
5	Công bố sản phẩm	1735	47	2,71
6	Ghi nhãn thực phẩm	475	34	7,16
7	Quảng cáo thực phẩm	0	0	0
8	Chất lượng sản phẩm thực phẩm	2079	72	3,46
9	Vi phạm khác (ghi rõ)			
9.1	Điều kiện cơ sở, vật chất	3339	51	1,53
9.2	Điều kiện vệ sinh cơ sở, vệ sinh trang thiết bị dụng cụ, vệ sinh công nhân	3339	26	0,78
9.3	Kiểm soát quá trình chế biến thực phẩm; áp dụng các hệ thống quản	228	39	17,11

	lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO, GMP, SSOP, IFS, ...)			
9.4	Sử dụng nguyên liệu thực phẩm trong sản xuất, chế biến thực phẩm	228	7	3,07
9.5	Sử dụng hóa chất trong sản xuất, chế biến thực phẩm	228	3	1,32
9.6	Sử dụng vật liệu bao gói, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm	2079	7	0,34
9.7	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm	475	7	1,47
9.8	Truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm không đảm bảo an toàn	2079	64	13,47
9.9	Chất lượng nguồn nước, hệ thống cung cấp hơi nước	1832	13	0,71
9.10	Xử lý chất thải	3339	11	0,33
9.11	Phòng chống côn trùng, động vật gây hại	2079	4	0,19
9.12	Đăng ký kinh doanh	3339	8	0,24
9.13	Kiểm soát của cơ quan thú y	1540	8	0,52
9.14	Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng	116	16	13,79
9.15	Hạn sử dụng	3339	2	0,06
9.16	Lưu mẫu thực phẩm	24	4	16,67

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm tại labo	202	13	6,44
1.1	Hóa lý	189	9	4,76
1.2	Vi sinh	28	4	14,29
2	Xét nghiệm nhanh	499	2	0,4
3	Cộng	701	15	2,14

II. NĂM 2017:

Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra

TT	Loại hình cơ sở	Tổng số cơ sở	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
I	Cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp	1673	1331	1124	84,45
1	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi	414	249	219	87,95
2	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc thú y	281	166	159	95,78
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản	1	0		
4	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản	26	0		
5	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc thú y thủy sản	9	0		
6	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây nông nghiệp	144	137	103	75,18
7	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây lâm nghiệp	8	7	4	57,14

8	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	372	425	352	82,82
9	Cơ sở sản xuất, kinh doanh phân bón	418	347	287	82,71
II	Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản	1045	2076	1553	74,81
1	Cơ sở chăn nuôi	285	0		
2	Cơ sở giết mổ	126	1526	1175	77
3	Cơ sở sơ chế, chế biến động vật và sản phẩm động vật trên cạn	103	79	63	79,75
4	Cơ sở nuôi trồng thủy sản	1	0		
5	Cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản	8	6	3	50
6	Cơ sở trồng trọt	78	79	70	88,61
7	Cơ sở sơ chế, chế biến rau, củ, quả	60	21	15	71,43
8	Cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm các loại cây công nghiệp (chè, cà phê, ca cao, tiêu, điều, đường mía...)	169	116	70	60,34
9	Cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm cây lương thực	12	14	9	64,29
10	Cơ sở kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản	191	233	147	63,09
11	Cơ sở sản xuất kinh doanh muối ăn và cơ sở loại hình khác	12	2	1	50
III	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (kiểm tra liên ngành do cấp tỉnh thực hiện)	23	23	2	8,7
Tổng số (I + II +III)		2741	3430	2679	78,1

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	3430	
2	Số cơ sở có vi phạm	751	21,9
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý	751	21,9
Trong đó:			
3.1	Hình thức phạt chính:	502	14,64
	Số cơ sở bị cảnh cáo	9	
	Số cơ sở bị phạt tiền	493	
	Tổng số tiền phạt	2.683.169.375	
3.2	Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khác phục hậu quả	412	12,01
*	Số cơ sở bị đóng cửa	1	
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm	381	
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy	3	
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn	27	
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục	31	
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo		
	Số loại tài liệu quảng cáo bị đình chỉ lưu hành		
*	Các xử lý khác	3	
	Buộc thu hồi trả nho nhà sản xuất để tái chế hoặc tiêu hủy (vi phạm về chất lượng)	3	

3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý	17	0,5
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)	232	6,76

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Tổng cơ sở được kiểm tra	Tổng số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	425	46	10,82
2	Quy định về sử dụng chất cấm, thuốc kháng sinh trong chăn nuôi	1941	9	2,17
3	Điều kiện trang thiết bị dụng cụ	3430	37	1,08
4	Điều kiện về con người	3430	52	1,52
5	Công bố sản phẩm	1825	89	4,88
6	Ghi nhãn thực phẩm	494	29	5,87
7	Quảng cáo thực phẩm	0	0	0
8	Chất lượng sản phẩm thực phẩm	2099	43	2,05
9	Vi phạm khác (ghi rõ)			
9.1	Điều kiện cơ sở, vật chất	3430	60	1,75
9.2	Điều kiện vệ sinh cơ sở, vệ sinh trang thiết bị dụng cụ, vệ sinh công nhân	3430	22	0,64
9.3	Kiểm soát quá trình chế biến thực phẩm; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO, GMP, SSOP, IFS, ...)	261	15	5,75
9.4	Sử dụng nguyên liệu thực phẩm trong sản xuất, chế biến thực phẩm	261	1	0,38
9.5	Sử dụng hóa chất trong sản xuất, chế biến thực phẩm	261	3	1,15
9.6	Sử dụng vật liệu bao gói, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm	2099	1	0,05
9.7	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm	494	5	1,01
9.8	Truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm không đảm bảo an toàn	2099	102	4,86
9.9	Chất lượng nguồn nước, hệ thống cung cấp hơi nước	1866	17	0,91
9.10	Xử lý chất thải	3430	3	0,09
9.11	Phòng chống côn trùng, động vật gây hại	2099	8	0,38
9.12	Đăng ký kinh doanh	3430	3	0,09
9.13	Kiểm soát của cơ quan thú y	1526	7	0,46
9.14	Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng	137	14	10,22

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm tại labo	168	9	5,36
1.1	Hóa lý	137	9	6,57
1.2	Vi sinh	32	0	0
2	Xét nghiệm nhanh	484	1	0,21
3	Cộng	652	10	1,53

III. 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018:

Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra

TT	Loại hình cơ sở	Tổng số cơ sở	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
I	Cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp	1729	731	615	84,13
1	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi	418	123	118	95,93
2	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc thú y	283	97	95	97,94
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản	1	0		
4	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản	26	0		
5	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc thú y thủy sản	9			
6	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây nông nghiệp	161	125	77	61,6
7	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây lâm nghiệp	8	4	4	100
8	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	387	179	156	87,15
9	Cơ sở sản xuất, kinh doanh phân bón	436	203	165	81,28
II	Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản	1082	1410	1235	87,59
1	Cơ sở chăn nuôi	286	0		
2	Cơ sở giết mổ	112	1000	927	92,7
3	Cơ sở sơ chế, chế biến động vật và sản phẩm động vật trên cạn	133	77	61	79,22
4	Cơ sở nuôi trồng thủy sản	1	0		
5	Cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản	8	1	1	100
6	Cơ sở trồng trọt	85	0		
7	Cơ sở sơ chế, chế biến rau, củ, quả	62	13	6	46,15
8	Cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm các loại cây công nghiệp (chè, cà phê, ca cao, tiêu, điều, đường mía...)	173	82	55	67,07
9	Cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm cây lương thực	13	8	7	87,5
10	Cơ sở kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản	197	228	178	78,07
11	Cơ sở sản xuất kinh doanh muối ăn và cơ sở loại hình khác	12	1	0	0
III	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (kiểm tra liên ngành do cấp tỉnh thực hiện)	16	16	1	6,25
Tổng số (I + II + III)		2827	2157	1851	85,81

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	2157	
2	Số cơ sở có vi phạm	306	14,19

3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý	306	14,19
Trong đó:			
3.1	Hình thức phạt chính:	165	7,65
	Số cơ sở bị cảnh cáo		
	Số cơ sở bị phạt tiền	165	
	Tổng số tiền phạt	1.118.383.750	
3.2	Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả	79	3,66
*	Số cơ sở bị đóng cửa		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm	70	
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy	5	
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn		
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo		
	Số loại tài liệu quảng cáo bị đình chỉ lưu hành		
*	Các xử lý khác	9	
	Buộc thu hồi trả Cho nhà sản xuất để tái chế hoặc tiêu hủy (vi phạm về chất lượng)	9	
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý	7	0,32
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)	134	6,21

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Tổng cơ sở được kiểm tra	Tổng số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	179	11	6,15
2	Quy định về sử dụng chất cấm, thuốc kháng sinh trong chăn nuôi	1220	8	0,66
3	Điều kiện trang thiết bị dụng cụ	2157	30	1,39
4	Điều kiện về con người	2157	18	0,83
5	Công bố sản phẩm	1157	34	2,94
6	Ghi nhãn thực phẩm	426	29	6,81
7	Quảng cáo thực phẩm			
8	Chất lượng sản phẩm thực phẩm	1426	32	2,24
9	Vi phạm khác (ghi rõ)			
9.1	Điều kiện cơ sở, vật chất	2157	7	0,32
9.2	Điều kiện vệ sinh cơ sở, vệ sinh trang thiết bị dụng cụ, vệ sinh công nhân	2157	13	0,6
9.3	Kiểm soát quá trình chế biến thực phẩm; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO, GMP, SSOP, IFS, ...)	198	9	4,55
9.4	Sử dụng hóa chất trong sản xuất, chế biến thực phẩm	198	4	2,02
9.5	Truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm không đảm bảo an toàn	1426	17	1,19
9.6	Chất lượng nguồn nước, hệ thống cung cấp hơi nước	1198	5	0,42
9.7	Phòng chống côn trùng, động vật gây hại	1426	1	0,07

9.8	Đăng ký kinh doanh	2157	7	0,32
9.9	Kiểm soát của cơ quan thú y	1000	2	0,2
9.10	Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng	125	19	15,2
9.11	Niêm yết giá	97	4	4,12

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm tại labo	149	13	8,72
1.1	Hóa lý	112	13	11,61
1.2	Vĩ sinh	40	0	0
2	Xét nghiệm nhanh	79	0	0
3	Cộng	228	13	5,7

Phụ lục 2:
Kết quả thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm
(Đính kèm Báo cáo số 3324/BC-SNN ngày 04/10/2018)

Bảng 1: Năm 2016

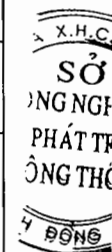
STT	Hoạt động thông tin, truyền thông	Nội dung	Số lượng/buổi	Đối tượng	Số người tham dự/phạm vi bao phủ
1	Hội nghị, Hội thảo	Hội nghị, hội thảo, tọa đàm (phân bón, thuốc BVTV, giống cây trồng)	181 buổi	Nông dân	3.790/ tỉnh
		Hội nghị, hội thảo, tọa đàm về kiến thức ATTP tại công đoạn nuôi	4 buổi	Nông dân nuôi thủy sản, cơ sở sản xuất kinh doanh giống, vật tư thủy sản	210/ tỉnh
2	Tập huấn	Tập huấn ngắn hạn (chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh hại)	196 lớp	Nông dân	5.880/ tỉnh
		Tập huấn kiến thức nuôi trồng thủy sản	4 lớp	Cơ sở nuôi cá bè	187/ tỉnh
		Tập huấn về quản lý chăn nuôi heo	5 lớp	Cơ sở chăn nuôi heo	273/ tỉnh
		Tập huấn “Quản lý an toàn thực phẩm theo chuỗi”	1 lớp	Cán bộ quản lý thú y địa bàn, chủ chăn nuôi heo, chủ lò mổ và tiểu thương tham gia chuỗi sản xuất, kinh doanh thịt heo trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu, Tân Phú, thành phố Biên Hòa	31/ tỉnh
		Tập huấn kiến thức, kỹ năng đảm bảo điều kiện sản xuất, kinh doanh sản phẩm an toàn	7 lớp	Cán bộ quản lý của địa phương và tiểu thương kinh doanh tại 04 chợ truyền thống trên địa bàn huyện Tân Phú, huyện Vĩnh Cửu	242/ tỉnh
		Tập huấn kiến thức pháp luật về an toàn thực phẩm	1 lớp	Cán bộ nông nghiệp và đại diện các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn thị xã Long Khánh	66/ tỉnh
3	Phát thanh, truyền hình	Phát sóng chương trình “Người tiêu dùng thông minh” trên Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai	1 tin	Toàn dân	Toàn dân/ tỉnh
4	Báo chí, website	Tin, bài trên báo viết (báo Đồng Nai, website Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	4 kỳ trên báo Đồng Nai, 1 bản tin trên website Sở NN&PTNT	Toàn dân	Toàn dân/ tỉnh
5	Cờ phướn	Tuyên truyền về an toàn thực phẩm	668 tấm	Toàn dân	Toàn dân/ tỉnh
6	Tờ rơi	Tuyên truyền về an toàn thực phẩm	500 tờ	Tiểu thương tại 04 chợ truyền thống trên địa bàn huyện Tân Phú, huyện Vĩnh Cửu	Tiểu thương/ tỉnh

7	Áp phích	Tuyên truyền về an toàn thực phẩm	5.000 tờ	Tiểu thương, hộ nuôi trồng thủy sản	Tiểu thương, hộ nuôi trồng thủy sản/ tỉnh
8	Pano	Sửa chữa bảng pano tuyên truyền về an toàn thực phẩm	4 bảng	Toàn dân	Toàn dân/ tỉnh
9	Đĩa CD	Tuyên truyền về an toàn thực phẩm	8 đĩa	Tiểu thương tại 04 chợ truyền thống trên địa bàn huyện Tân Phú, huyện Vĩnh Cửu	Tiểu thương/ tỉnh
10	Sổ tay	Sổ tay truy xuất nguồn gốc	500 quyển	Tiểu thương tại 04 chợ truyền thống trên địa bàn huyện Tân Phú, huyện Vĩnh Cửu	Tiểu thương/ tỉnh
11	Xe hoa diễu hành	Hưởng ứng “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2016	1 xe	Toàn dân	Toàn dân/tỉnh

Bảng 2: Năm 2017

STT	Hoạt động thông tin, truyền thông	Nội dung	Số lượng/buổi	Đối tượng	Số người tham dự/phạm vi bao phủ
1	Hội nghị, Hội thảo, Hội thi	Hội thi tìm hiểu pháp luật về an toàn thực phẩm	1 buổi	9 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh	120/ tỉnh
		Hội nghị kết nối cung – cầu đối với các sản phẩm nông sản, xây dựng và kết nối chuỗi tiêu thụ rau, quả, thịt, thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	2 buổi	Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản, bếp ăn tập thể, trường mầm non, bệnh viện	400/ tỉnh
		Hội thảo thuốc bảo vệ thực vật	169 buổi	Nông dân	6827/ tỉnh
		Hội thảo giống cây trồng	16 buổi	Nông dân	604/ tỉnh
		Hội thảo phân bón	335 buổi	Nông dân	10741/ tỉnh
		Hội nghị kết nối cung – cầu đối với các sản phẩm nông sản, xây dựng và kết nối chuỗi tiêu thụ rau, quả, thịt, thủy sản an toàn trên địa bàn huyện Trảng Bom	1 buổi	Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản; các Hợp tác xã, trang trại, các hộ dân sản xuất bưởi, thanh long, nải ăn	55/ huyện Trảng Bom
		Hội thảo thực hành sản xuất nông nghiệp tốt	14 buổi	Nông dân	648/ thị xã Long Khánh
		Hội thảo học tập mô hình sản xuất hiệu quả	1 buổi	Nông dân	26/ thị xã Long Khánh
2	Tập huấn	Kiến thức về an toàn thực phẩm	9 lớp	Cán bộ Ban quản lý chợ, cán bộ thương mại dịch vụ, các cán bộ xã, cán bộ làm công tác bảo vệ thực vật, thú y, tiểu thương tại 09 Chợ: Xuân Tân, Xuân Thanh, Xuân Lập (Thị xã Long Khánh), Bào Hòa, Gia Ray (huyện Xuân Lộc), Phương Lâm, Phú Điền (huyện Tân Phú), Dầu Giây (huyện	409/ tỉnh

			Thống Nhất)	
Các văn bản chuyên ngành và các văn bản Quy phạm pháp luật có liên quan	7 lớp	Kiểm dịch viên, kiểm soát giết mổ; Cộng tác viên kiểm soát giết mổ	200/ tỉnh	
Áp dụng quy trình VietGAHP cho nông hộ thuộc các Tổ hợp tác	3 lớp	Các thành viên Tổ Hợp tác	160/ tỉnh	
Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)	7 lớp	Nông dân	210/ tỉnh	
Kiến thức thực hành sản xuất tốt (GMP)	13 lớp	Nông dân	520/ tỉnh	
Ngăn hạn phòng chống sinh vật hại có nguy cơ ảnh hưởng đến năng suất cây trồng	88 lớp	Nông dân	3520/ tỉnh	
Phòng chống biến đổi khí hậu trên các loại cây trồng	58 lớp	Nông dân	2320/ tỉnh	
Sản xuất rau an toàn cung ứng các chuỗi chợ trên địa bàn tỉnh	47 lớp	Nông dân	1880/ tỉnh	
Kiến thức an toàn thực phẩm cho thủy sản tại công đoạn nuôi	5 lớp	Nông dân, cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư thủy sản	214/ tỉnh	
Tuyên truyền thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT và kỹ thuật nuôi thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm	5 lớp	Nông dân có hoạt động nuôi trồng thủy sản	245/ tỉnh	
Kỹ thuật nuôi, sản xuất và ương các loại cá giống nước ngọt	1 lớp	Các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, các cơ sở nuôi có nhu cầu sản xuất giống thủy sản	50/ tỉnh	
Kỹ thuật nuôi thủy sản	7 lớp	Nông dân có hoạt động nuôi trồng thủy sản (tập trung tại các xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao năm 2017)	278/ tỉnh	
Kiến thức nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP	4 lớp	Các hộ nuôi thủy sản trong vùng được lựa chọn áp dụng VietGAP tại các huyện: Tân Phú, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch và Định Quán	160/ tỉnh	
Kiến thức đảm bảo an toàn thực phẩm trong trồng trọt	13 lớp	Cán bộ Nông nghiệp xã, đại diện đoàn thể xã, ban ấp, tổ trưởng các Tổ hợp tác, nông dân	650/ huyện Cẩm Mỹ	
Phòng trừ sâu bệnh hại trên tiêu	8 lớp	Các Tổ hợp tác	310/ huyện Cẩm Mỹ	
Chăn nuôi VietGAPH	5 lớp	Nông hộ, Tổ hợp tác chăn nuôi heo	175/ huyện Cẩm Mỹ	
Kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho các loại cây trồng	28 lớp	Nông dân	1.320/ huyện Cẩm Mỹ	
Nhận dạng truy xuất nguồn gốc thịt heo	1 lớp	Trang trại, THT chăn nuôi heo	71/ huyện Cẩm Mỹ	
Sản xuất sầu riêng theo VietGAP	1 lớp	Nông dân	40/ huyện Cẩm Mỹ	
Phòng trừ sâu bệnh, Luật Kiểm dịch và bảo vệ thực vật, các quy định về sản xuất nông nghiệp sạch; chăn nuôi cá theo hướng GAP thủy sản, kỹ thuật nuôi cá lồng bè an toàn	33 lớp	Nông dân trồng trọt, chăn nuôi Tổ hợp tác chăn nuôi gia súc	1300/ huyện Định Quán	
Hướng dẫn các biện pháp quản lý cây chôm chôm, sầu riêng, măng cụt ra hoa trong điều kiện thời tiết bất lợi	7 lớp	Nông dân	243/ thị xã Long Khánh	



		Hướng dẫn các biện pháp quản lý dịch hại trên cây điều	1 lớp	Nông dân	30/ thị xã Long Khánh
		Hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi heo, bò	3 lớp	Nông dân	68/ thị xã Long Khánh
		Hướng dẫn kỹ thuật canh tác cây lúa, bắp, rau	7 lớp	Nông dân	193/ thị xã Long Khánh
		Về chuỗi tiêu thụ rau, thịt tại chợ	1 lớp	Tiểu thương chợ Xuân Tân, chợ Xuân Thanh; cán bộ thương mại dịch vụ	105/ thị xã Long Khánh
		Sản xuất an toàn, sản xuất tốt VietGap	31 lớp	Nông dân	15000/ thị xã Long Khánh
		Kiến thức nuôi trồng thủy sản	2 lớp	Nông dân nuôi trồng thủy sản	60/ huyện Tân Phú
		Sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn và hiệu quả	67 lớp	Nông dân	2123/ huyện Thống Nhất
		Sản xuất nông nghiệp theo hướng VietGap, GlobalGap trên cây chôm chôm và cây tiêu	5 lớp	Nông dân	150/ huyện Thống Nhất
		Sản xuất an toàn; chính sách hỗ trợ và liên kết tiêu thụ sản phẩm cánh đồng lớn	2 lớp	Nông dân	182/ huyện Trảng Bom
		Kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho các loại cây trồng	63 lớp	Nông dân	2.394/ huyện Trảng Bom
		Chăn nuôi VietGAP quy mô nông hộ	1 lớp	Nông dân	50/ huyện Trảng Bom
3	Phát thanh, truyền hình	Phát sóng trên Đài truyền hình Đồng Nai chương trình giới thiệu, quảng bá 20 điểm bày bán sản phẩm đã được xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn	2 tin	Toàn dân	Toàn dân/tỉnh
		Phát sóng trên Đài truyền hình Đồng Nai chuyên mục “Dân hỏi, giám đốc trả lời” về an toàn thực phẩm	1 tin	Toàn dân	Toàn dân/tỉnh
		Phát thanh chuyên mục sản xuất an toàn, tác hại đối với sản phẩm không an toàn	355 tin	Toàn dân	Toàn dân/ thị xã Long Khánh
		Phát thanh chuyên mục thông báo tình hình dịch hại phát sinh, phát triển trên cây trồng	52 tin	Toàn dân	Toàn dân/ thị xã Long Khánh
		Phát thanh chuyên mục thông báo tình hình giả mạo lịch thanh tra, kiểm tra	10 tin	Toàn dân	Toàn dân/ thị xã Long Khánh
		Phát thanh chuyên mục sử dụng thuốc BVTV đúng quy định trong trồng nấm	1 tin	Nông dân trồng nấm	Toàn dân/ huyện Cẩm Mỹ
		Phát thanh chuyên mục kiến thức về sản xuất an toàn, tác hại đối với sản phẩm không an toàn	10 tin	Toàn dân	Toàn dân/ huyện Cẩm Mỹ
		Phát thanh chuyên mục “Tiếp tục tăng cường sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng rau, thịt an toàn”	25 tin, 20 bài viết	Toàn dân	Toàn dân/ huyện Long Thành
		Phát thanh chuyên mục thông báo tình hình cây trồng và sâu bệnh	4 tin	Toàn dân	Toàn dân/ huyện Long Thành
		Phát thanh chuyên mục “An toàn thực phẩm trên lĩnh vực nông nghiệp. Các điểm mới trong Nghị định số 90/2017/NĐ-CP”	1 lần/ ngày	Toàn dân	Toàn dân/ huyện Xuân Lộc
4	Báo chí, website	Công khai kết quả kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT trên Báo Đồng Nai và Website của Sở Nông nghiệp và Phát	4 kỳ trên báo Đồng Nai; 1 bản tin trên website Sở	Toàn dân	Toàn dân/ tỉnh

		triển nông thôn	NN&PTNT		
		Vệ sinh an toàn thực phẩm và hình thức xử phạt vi phạm	1 bản tin	Toàn dân	Toàn dân/ huyện Xuân Lộc
		Tuyên truyền về an toàn thực phẩm	904 tấm	Toàn dân	Toàn dân/ tỉnh
5	Cờ phướn	Tuyên truyền quy định về an toàn thực phẩm thủy sản đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư thủy sản, giống thủy sản	300 tấm	Toàn dân	Toàn dân/ tỉnh
6	Áp phích	Tuyên truyền kiến thức an toàn thực phẩm thủy sản tại công đoạn nuôi	2.500 tấm	Nông dân nuôi trồng thủy sản	Nông dân nuôi trồng thủy sản/tỉnh
		Tuyên truyền đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp	36 tấm	Toàn dân	Toàn dân/ huyện Cẩm Mỹ
7	Băng rôn	Tuyên truyền về tiêu thụ thịt heo được kiểm soát giết mổ	15 tấm	Toàn dân	Toàn dân/ huyện Xuân Lộc
		Tuyên truyền về an toàn thực phẩm	1122 tờ	Cán bộ Ban quản lý chợ, cán bộ thương mại dịch vụ, các cán bộ xã, cán bộ làm công tác bảo vệ thực vật, thú y, tiểu thương tại 04 chợ: Xuân Tân, Xuân Thanh (thị xã Long Khánh), Bảo Hòa, Gia Ray (huyện Xuân Lộc)	287/ tỉnh
		Tuyên truyền về vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm	5000 tờ	Toàn dân	Toàn dân/ huyện Xuân Lộc
9	Đĩa CD	Tuyên truyền về an toàn thực phẩm	20 đĩa	Cán bộ Ban quản lý chợ, cán bộ thương mại dịch vụ, các cán bộ xã, cán bộ làm công tác bảo vệ thực vật, thú y, tiểu thương tại 04 chợ: Xuân Tân, Xuân Thanh (thị xã Long Khánh), Bảo Hòa, Gia Ray (huyện Xuân Lộc)	287/ tỉnh
		Sổ tay truy xuất nguồn gốc tuyên truyền các quy định về an toàn thực phẩm	200 quyển	Cán bộ Ban quản lý chợ, cán bộ thương mại dịch vụ, các cán bộ xã, cán bộ làm công tác bảo vệ thực vật, thú y, tiểu thương tại 04 chợ: Xuân Tân, Xuân Thanh (Tx Long Khánh); Bảo Hòa, Gia Ray (huyện Xuân Lộc)	287/ tỉnh
10	Sổ tay	Sổ nhật ký ao nuôi/bè nuôi; Sổ tay kỹ thuật nuôi thủy sản nước ngọt trong ao; Sổ tay kỹ thuật nuôi tôm; Sổ tay kỹ thuật sản xuất giống thủy sản tuyên truyền các kiến thức về nuôi trồng thủy sản	3000 quyển	Nông dân nuôi trồng thủy sản	Nông dân nuôi trồng thủy sản/ tỉnh
11	Pano	Sửa chữa bảng pano tuyên truyền về an toàn thực phẩm	4 bảng	Toàn dân	Toàn dân/tỉnh
12	Tham quan mô hình	Liên kết tiêu thụ nông sản thực phẩm an toàn tại chợ đầu mối Dầu Giây	1 mô hình	Hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân	8/ huyện Trảng Bom
13	Xe hoa diễu hành	Hưởng ứng “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2017	1 xe	Toàn dân	Toàn dân/tỉnh

Bảng 3: 6 tháng đầu năm 2018

STT	Hoạt động thông tin, truyền thông	Nội dung	Số lượng/buổi	Đối tượng	Số người tham dự/phạm vi bao phủ
1	Hội nghị, Hội thảo, Hội thi	Hội thảo nuôi tôm thẻ mật độ cao	1 buổi	Nông dân	Nông dân nuôi tôm khu vực Long Thành, Nhơn Trạch/ tỉnh
		Hội nghị kết nối tiêu thụ hàng hóa và đặc sản vùng miền tại chợ đầu mối Dầu Giây	3 buổi	Nông dân, Hợp tác xã	72/ thị xã Long Khánh
		Hội thảo thuốc BVTV, phân bón	26 buổi	Nông dân	1080/ thị xã Long Khánh
		Hội nghị kết nối tiêu thụ hàng hóa và đặc sản vùng miền qua hệ thống chợ (PMAX 2018) tại chợ đầu mối nông sản thực phẩm Dầu Giây (gồm các sản phẩm Bưởi da xanh, Thanh long ruột đỏ, Nấm ăn các loại)	2 buổi	Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản; các Hợp tác xã, trang trại, các hộ dân sản xuất bưởi, thanh long, nấm ăn	12/huyện Trảng Bom
2	Tập huấn	Tập huấn ngắn hạn phòng chống sinh vật hại, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn và hiệu quả	32 lớp	Nông dân	1.229/ tỉnh
		Sản xuất rau quả an toàn cung ứng các chuỗi chợ trên địa bàn tỉnh (thị xã Long Khánh)	1 lớp	Nông dân	40/ tỉnh
		Hướng dẫn phân loại và thu gom rác thải thuốc bảo vệ thực vật Chương trình “Cùng nông dân bảo vệ môi trường”	71 lớp	Nông dân	1.463/ tỉnh
		Tập huấn FFS cho nông dân ngoài mô hình thuộc Chương trình “Cùng nông dân bảo vệ môi trường”, hướng dẫn phân loại và thu gom rác thải thuốc bảo vệ thực vật kết hợp dán Pano tại lớp tập huấn và phát tờ rơi cho nông dân tham dự	100 lớp	Nông dân	3.465/ tỉnh
		Tập huấn GMP trên cây chôm chôm, xoài	2 lớp	Nông dân	75/ tỉnh
		Huấn luyện chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật cho các trên địa bàn tỉnh	1 lớp	Tổ chức và cá nhân sản xuất, kinh doanh	59/ tỉnh
		Về giống cây trồng	11 lớp	Tổ chức và cá nhân sản xuất, kinh doanh	610/ tỉnh
		Bồi dưỡng chuyên môn về phân bón	6 lớp	Tổ chức và cá nhân sản xuất, kinh doanh	607/ tỉnh
		Cập nhật văn bản pháp luật mới và cấp thẻ bán hàng	10 lớp	Tổ chức và cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV	517/ tỉnh
		Kiến thức, quy định về an toàn thực phẩm thủy sản tại công đoạn nuôi	4 lớp	Hộ nuôi, cơ sở kinh doanh vật tư thủy sản	Các vùng nuôi thủy sản/ tỉnh
		Áp dụng phần mềm quản lý trang trại chăn nuôi	6 lớp	Trại chăn nuôi heo huyện Thống Nhất, cán bộ phụ trách chăn nuôi và cộng tác viên thú y	228/ tỉnh
		Kỹ thuật chăm sóc chôm chôm, sầu riêng, điều, bơ giai đoạn ra hoa đậu quả	12 lớp	Nông dân	480/ huyện Cẩm Mỹ

		Kiến thức đảm bảo an toàn thực phẩm trong trồng trọt	11 lớp	Nông dân	510/ huyện Cẩm Mỹ
		Kỹ thuật chăn nuôi bò	5 lớp	Nông dân	238/ huyện Cẩm Mỹ
		Các quy định, kỹ thuật về cây trồng	4 lớp	Nông dân	168/ huyện Định Quán
		Kỹ thuật canh tác	12 lớp	Nông dân	408/ thị xã Long Khánh
		VietGAP sản phẩm chôm chôm, sầu riêng	2 lớp	Nông dân	143/ thị xã Long Khánh
		Sản xuất an toàn	1 lớp	Nông dân	42/ thị xã Long Khánh
		Sản xuất an toàn; chính sách hỗ trợ và liên kết tiêu thụ sản phẩm cánh đồng lớn	5 lớp	Nông dân	162/ huyện Trảng Bom
		Kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho các loại cây trồng	6 lớp	Nông dân	155/ huyện Trảng Bom
		Áp dụng quy trình VietGAHP cho nông hộ thuộc các Tổ hợp tác	1 lớp	Các thành viên Tổ Hợp tác	50/ huyện Vĩnh Cửu
		Kiến thức về ATTP	1 lớp	Tiểu thương	80/ huyện Xuân Lộc
		Áp dụng phần mềm quản lý trang trại chăn nuôi heo	6 lớp	Nông dân; các cơ sở sản xuất, kinh doanh	171/ huyện Thống Nhất
		Hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu bệnh trên cây rau	7 lớp	Các trang trại chăn nuôi heo	182/ huyện Thống Nhất
3	Phát thanh, truyền hình	Phát thanh chuyên mục: Các quy định về vệ sinh cá nhân trong sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm.	01 lần/ngày	Nông dân	Toàn dân/ huyện Nhơn Trạch
		Phát thanh chuyên mục: Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến được phép sử dụng, đúng liều lượng, đúng đối tượng theo quy định trong sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh thực phẩm.	1 lần/ ngày	Toàn dân	Toàn dân/ huyện Nhơn Trạch
		Phát thanh chuyên mục thông báo tình hình cây trồng và sâu bệnh	05 tin	Toàn dân	Toàn dân/huyện Long Thành
		Phát thanh chuyên mục “Tăng cường trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm”	20 tin, 10 bài viết	Toàn dân	Toàn dân/huyện Long Thành
		Phát thanh chuyên mục tuyên truyền về An toàn thực phẩm, tác hại đối với sản phẩm không an toàn	20 tin	Toàn dân	Toàn dân/ thị xã Long Khánh
		Phát thanh chuyên mục Tình hình dịch hại phát sinh, phát triển trên cây trồng và biện pháp phòng trừ	24 tin	Toàn dân	Toàn dân/ thị xã Long Khánh
		Phát thanh chuyên mục An toàn thực phẩm trên lĩnh vực nông nghiệp	01 lần/ngày	Toàn dân	Toàn dân/ huyện Xuân Lộc
		Phát thanh chuyên mục: “Tiếp tục phổ biến những quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các cơ sở ban đầu nhỏ lẻ thuộc lĩnh vực nông nghiệp”	01 lần/ngày	Toàn dân	Toàn dân/ huyện Thống Nhất
4	Báo chí, website	Vệ sinh an toàn thực phẩm và hình thức xử phạt vi phạm trên website của huyện Xuân Lộc	1 bản tin	Toàn dân	Toàn dân/ huyện Xuân Lộc
5	Băng rôn	Tuyên truyền về an toàn thực phẩm	168 tấm	Toàn dân	Toàn dân/ huyện Nhơn Trạch
		Tuyên truyền về tiêu thụ thịt heo được kiểm soát giết	15 khẩu hiệu	Toàn dân	Toàn dân/ huyện Xuân Lộc

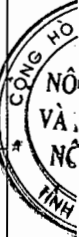
		mở	tuyên truyền		
		Tuyên truyền về ATTP nông lâm thủy sản	85 tấm	Toàn dân	Toàn dân/ thị xã Long Khánh
6	Áp phích	Kiến thức ATTP thủy sản tại công đoạn nuôi	2500 tấm	Nông dân nuôi thủy sản; cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư thủy sản	Toàn dân/ tỉnh
7	Cờ phướn	Tuyên truyền về ATTP trong dịp Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2018 trên các trục đường chính của các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa	190 tấm	Toàn dân	Toàn dân/ tỉnh
		Quy định về ATTP thủy sản đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư thủy sản, giống thủy sản	245 tấm	Toàn dân	Toàn dân/ tỉnh
8	Tờ rơi	Tuyên truyền về ảnh hưởng của việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong trồng rau; tác hại của chất cấm trong chăn nuôi; kháng sinh cấm, tồn dư kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản...	14000 tờ	Các HTX, THT, người trồng rau, chăn nuôi, hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông lâm thủy sản	Các HTX, THT, người trồng rau, chăn nuôi, hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông lâm thủy sản/ thị xã Long Khánh
9	Sổ tay	Sổ nhật ký ao nuôi/bè nuôi; sổ tay kỹ thuật nuôi thủy sản nước ngọt trong ao; sổ tay kỹ thuật nuôi tôm	2525 quyển	Nông dân nuôi trồng thủy sản	Nông dân nuôi trồng thủy sản/ tỉnh
		Biểu mẫu ghi chép nhật ký nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP	1000 biểu mẫu	Nông dân nuôi trồng thủy sản	Nông dân nuôi trồng thủy sản/ tỉnh
		Sổ quản lý chăn nuôi nhỏ lẻ	500 quyển	Nông dân chăn nuôi nhỏ lẻ	Nông dân chăn nuôi nhỏ lẻ/ huyện Nhơn Trạch
		Biểu mẫu ghi chép nhật ký nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP	7 biểu mẫu	Nông dân nuôi trồng thủy sản	Nông dân nuôi trồng thủy sản/ huyện Nhơn Trạch
10	Xe hoa diễu hành	Hưởng ứng “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2018	1 xe	Toàn dân	Toàn dân/tỉnh

Phụ lục 3:

Danh sách chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn

(Đính kèm Báo cáo số: 3824/BC-SNN ngày 04/10/2018)

TT	Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất ban đầu	Tên, địa chỉ cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến, giết mổ, chế biến, bảo quản, vận chuyển	Tên, địa chỉ nơi bán sản phẩm	Loại sản phẩm	Đã được cấp giấy xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn
1	Trại chăn nuôi heo Trần Thị Hà. Địa chỉ: Tổ 1, K3A, P. Lộc Tiến - Bảo Lộc - Lâm Đồng.	Công ty TNHH Anh Hoàng Thy. Địa chỉ: Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn 22, phường An Bình, TP. Biên Hòa - Đồng Nai.	Co.op Mart Biên Hòa. Địa chỉ: Số 121 Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Thịt heo tươi	x
	Trại chăn nuôi heo Lưu Quang Thắng. Địa chỉ: Xã Hưng Thịnh - Trảng Bom - Đồng Nai.				
	Trại chăn nuôi heo Nguyễn Ngọc Huy. Địa chỉ: Xã Hưng Thịnh - Trảng Bom - Đồng Nai.				
	Trại chăn nuôi heo Lê Quang Hiền. Địa chỉ: Xã Lộ 25, huyện Thống Nhất - Đồng Nai.				
	Trại chăn nuôi heo Phùng Hoàng Vũ. Địa chỉ: Xã Hưng Lộc - Thống Nhất - Đồng Nai.				
2	Trại chăn nuôi heo Trần Thị Hà. Địa chỉ: Tổ 1, K3A, P. Lộc Tiến - Bảo Lộc - Lâm Đồng.		Co.op Mart Văn Thánh. Đ/C: Số 561A Điện Biên Phủ, P.25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.	Thịt heo tươi	x
	Trại chăn nuôi heo Lưu Quang Thắng. Địa chỉ: Xã Hưng Thịnh - Trảng Bom - Đồng Nai.				
	Trại chăn nuôi heo Nguyễn Ngọc Huy. Địa chỉ: Xã Hưng Thịnh - Trảng Bom - Đồng Nai.				
	Trại chăn nuôi heo Lê Quang Hiền. Địa chỉ: Xã Lộ 25, huyện Thống Nhất - Đồng Nai.				
	Trại chăn nuôi heo Phùng Hoàng Vũ. Địa chỉ: Xã Hưng Lộc - Thống Nhất - Đồng Nai.				
3	Trại chăn nuôi heo Trần Thị Hà. Địa chỉ: Tổ 1, K3A, P. Lộc Tiến - Bảo Lộc - Lâm Đồng.		Co.op Mart Bình Triệu. Đ/C: Số 68/1 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP.HCM.	Thịt heo tươi	x
	Trại chăn nuôi heo Lưu Quang Thắng. Địa chỉ: Xã Hưng Thịnh - Trảng Bom - Đồng Nai.				
	Trại chăn nuôi heo Nguyễn Ngọc Huy. Địa chỉ: Xã Hưng Thịnh - Trảng Bom - Đồng Nai.				
	Trại chăn nuôi heo Lê Quang Hiền. Địa chỉ: Xã Lộ 25, huyện Thống Nhất - Đồng Nai.				
	Trại chăn nuôi heo Phùng Hoàng Vũ. Địa chỉ: Xã Hưng Lộc - Thống Nhất - Đồng Nai.				
4	Trại chăn nuôi heo Trần Thị Hà. Địa chỉ: Tổ 1, K3A, P. Lộc Tiến - Bảo Lộc - Lâm Đồng.		Co.op Mart Nhiều Lộc. Đ/C: Số 702 Trường Sa, Phường 12, Quận 3, TP.HCM.	Thịt heo tươi	x
	Trại chăn nuôi heo Lưu Quang Thắng. Địa chỉ: Xã Hưng Thịnh - Trảng Bom - Đồng Nai.				
	Trại chăn nuôi heo Nguyễn Ngọc Huy. Địa chỉ: Xã Hưng Thịnh - Trảng Bom - Đồng Nai.				
	Trại chăn nuôi heo Lê Quang Hiền. Địa chỉ: Xã Lộ 25, huyện Thống Nhất - Đồng Nai.				
	Trại chăn nuôi heo Phùng Hoàng Vũ. Địa chỉ: Xã Hưng Lộc - Thống Nhất - Đồng Nai.				
5	Trại chăn nuôi heo Trần Thị Hà. Địa chỉ: Tổ 1, K3A, P. Lộc Tiến - Bảo Lộc - Lâm Đồng.		Co.op Mart Tuy Lý Vương. Đ/C: Số 40-54, Tuy Lý Vương, Phường 13, Quận 8, TP.HCM.	Thịt heo tươi	x
	Trại chăn nuôi heo Lưu Quang Thắng. Địa chỉ: Xã Hưng Thịnh - Trảng Bom - Đồng Nai.				
	Trại chăn nuôi heo Nguyễn Ngọc Huy. Địa chỉ: Xã Hưng Thịnh - Trảng Bom - Đồng Nai.				
	Trại chăn nuôi heo Lê Quang Hiền. Địa chỉ: Xã Lộ 25, huyện Thống Nhất - Đồng Nai.				
	Trại chăn nuôi heo Phùng Hoàng Vũ. Địa chỉ: Xã Hưng Lộc - Thống Nhất - Đồng Nai.				
6	Trại chăn nuôi heo Trần Thị Hà. Địa chỉ: Tổ 1, K3A, P. Lộc Tiến - Bảo Lộc - Lâm Đồng.		Co.op Mart Phú Lâm. Đ/C: Số 06 Bà Hom (Vòng xoay Phú Lâm), Phường 13, Quận 6,	Thịt heo tươi	x
	Trại chăn nuôi heo Lưu Quang Thắng. Địa chỉ: Xã Hưng Thịnh - Trảng Bom - Đồng Nai.				
	Trại chăn nuôi heo Nguyễn Ngọc Huy. Địa chỉ: Xã Hưng Thịnh - Trảng Bom - Đồng Nai.				



	Trại chăn nuôi heo Lê Quang Hiền. Địa chỉ: Xã Lộ 25, huyện Thống Nhất - Đồng Nai.		TP.HCM.		
	Trại chăn nuôi heo Phùng Hoàng Vũ. Địa chỉ: Xã Hưng Lộc - Thống Nhất - Đồng Nai.				
7	Công ty TNHH Anh Hoàng Thy. Địa chỉ: Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn 22, phường An Bình, TP. Biên Hòa - Đồng Nai.	Xưởng EBON- Công ty TNHH TMDV Quốc Tế BigC Đồng Nai. Đ/C: Khu phố 1, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Siêu thị Big C Đồng Nai. Đ/C: Khu phố 1, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Chả lụa, Giò thủ, Xúc xích, Pate, Jambon	x
	Công ty TNHH MTV Thực Phẩm Anh Hào Phát. Địa chỉ: Số 01 A, xa lộ Hà Nội, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa - Đồng Nai.				
	Công ty TNHH MTV Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Thành Danh. Địa chỉ: Số 72/20, khu phố 1, hẻm 72, đường Hồ Văn Thề, phường Tam Hòa, TP. Biên Hòa - Đồng Nai.				
8	Công ty TNHH Anh Hoàng Thy. Địa chỉ: Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn 22, phường An Bình, TP. Biên Hòa - Đồng Nai.	Xưởng EBON- Công ty TNHH TMDV Quốc Tế BigC Đồng Nai. Đ/C: Khu phố 1, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Siêu thị Big C Dĩ An. Đ/C: Quốc lộ 1 K, phường Đông Hòa, TX. Dĩ An, tỉnh Bình Dương.	Chả lụa, Giò thủ, Xúc xích, Pate, Jambon	x
	Công ty TNHH MTV Thực Phẩm Anh Hào Phát. Địa chỉ: Số 01 A, xa lộ Hà Nội, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa - Đồng Nai.				
	Công ty TNHH MTV Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Thành Danh. Địa chỉ: Số 72/20, khu phố 1, hẻm 72, đường Hồ Văn Thề, phường Tam Hòa, TP. Biên Hòa - Đồng Nai.				
9	Tổ Hợp Tác GAHP 01 LPZ -104/4, ấp Dốc Mơ 3, xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HTX TP.HCM CO.OPMART LAGI- Đường Thống Nhất, Khu Vực 4, phường Tân Thiện, thị xã Lagi- tỉnh Bình Thuận	Thịt heo tươi		x
	Tổ Hợp Tác GAHP 01 - Xã Lộ 25- Ấp 3, Xã Lộ 25, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai				
	Tổ Hợp Tác GAHP 01 - Xã Quang Trung- D1/018, ấp Nam Sơn, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai				
	Tổ Hợp Tác GAHP 02 - Xã Quang Trung- F1027C, ấp Lê Lợi, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai				
10	Tổ Hợp Tác GAHP 01 - Xã Xuân Phú- 29, Đường Bình Hòa-Long Khánh, ấp Bình Hòa, xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	Công ty TNHH Anh Hoàng Thy Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn 22, phường An Bình, TP. Biên Hòa - Đồng Nai	Công ty TNHH TMDV Sài Gòn-Vũng Tàu- Số 36, Nguyễn Thái Học, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Thịt heo tươi	x
	Tổ Hợp Tác GAHP 01 - Xã Xuân Trường- Ấp Trung Nghĩa, xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai				
	Tổ Hợp Tác GAHP 01 - Xã Suối Cát- Ấp Suối Cát 2, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai				
	Tổ Hợp Tác GAHP 01 - Xã Bầu Trâm- Tổ 2, ấp Bầu Trâm, xã Bầu Trâm, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Tổ Hợp Tác GAHP 01 - Xã Bảo Quang- Ấp Ruộng Tre, xã Bảo Quang, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
11	Tổ Hợp Tác GAHP 01 - Xã Xuân Lập- Ấp Phú Mỹ, xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Công ty TNHH Anh Hoàng Thy Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn 22, phường An Bình, TP. Biên Hòa - Đồng Nai	Công ty TNHH Saigon Co-op Fairprice Thủ Đức Co-op Xtra- Số 934, Quốc lộ 1 A, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Thịt heo tươi	x
	Tổ Hợp Tác GAHP 02 - Xã Xuân Lập- Ấp Phú Mỹ, xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Tổ Hợp Tác GAHP 02 - Xã Bảo Vinh- Số 82, ấp Bảo Vinh B, xã Bảo Vinh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Tổ Hợp Tác GAHP 01 - Xã Bình Lộc- Tổ 2, ấp 2, xã Bình Lộc, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.				

12	Trang trại chăn nuôi gà Nguyễn Hoàng Phi Long 1- Ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo, Trảng Bom-Đồng Nai	Cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến Nguyễn Hoàng Minh Long- Ấp Thuận Trường, xã Sông Thao, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	Công ty TNHH Chăn nuôi Long Bình- Chi nhánh 1- Số 438, Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Thịt gà tươi	x
13	Trang trại chăn gà Nguyễn Hoàng Phi Long 2- Ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo, Trảng Bom-Đồng Nai		Công ty TNHH Chăn nuôi Long Bình- Chi nhánh 2- Số 05, Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Thịt gà tươi	x
14	Trang trại chăn gà Nguyễn Hoàng Phi Long 3- Ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo, Trảng Bom-Đồng Nai		Cửa hàng gà Hải Đăng- Số 322, Quốc lộ 50, phường 6, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh	Thịt gà tươi	x
15	Trang trại chăn gà Nguyễn Hoàng Phi Long 4- Ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo, Trảng Bom-Đồng Nai		Cửa hàng gà Long Bình- Số 270, Nguyễn Sơn, phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	Thịt gà tươi	x
16	Trang trại chăn gà Nguyễn Hoàng Phi Long 5- Ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo, Trảng Bom-Đồng Nai		Cửa hàng gà Long Bình - 35B, Tân Hòa Đông, phường 14, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh	Thịt gà tươi	x
17	Trang trại chăn gà Nguyễn Hoàng Phi Long 6- Ấp Thuận Trường, xã Sông Thao, Trảng Bom-Đồng Nai		Cửa hàng gà Việt- Số 53, Đỗ Quang Đầu, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Thịt gà tươi	x
18	Cơ sở chăn nuôi gà Phạm Đình Khô. Đ/C: Ấp Sơn Nam, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	Cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến: Chi nhánh 1- Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Bình Minh- 739, ấp Tân Bình, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	Chi nhánh Công ty TNHH TMDV và Phân phối Tổng hợp tại Đồng Nai- Tầng 1, số 1135 đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố 2, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Thịt gà tươi	x
19			Cơ sở Thanh niên Nông nghiệp- Số 11B đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Thịt gà tươi	x
20	Trang trại chăn nuôi gà Đinh Trần Duy Hùng. Đ/C: Ấp Tam Bung, xã Phú Túc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai		Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Tiên Hoàng- Số 127 Đinh Tiên Hoàng, phường 3, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Thịt gà tươi	x
21			Công ty TNHH Saigon Co-op Fairprice Thủ Đức Co-op Xtra- 934 Quốc Lộ 1 A, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Thịt gà tươi	



22	Trang trại gà thịt Vũng Tàu- Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Bình Minh. Đ/C: Ấp Sông Xoài 1, xã Sông Xoài, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.		Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Phú Lâm- Số 06 Bà Hom, phường 13, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh	Thịt gà tươi	x
23			Cửa hàng L.H - Số 33, đường Nguyễn Ái Quốc, p. Quang Vinh -Biên Hòa- Đồng Nai	Thịt gà tươi	x
24	Trang trại gà thịt Bình Minh. Đ/C: Ấp Bình Tiến, xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.		Công ty TNHH TMDV Quốc tế BigC Đồng Nai- Số 833, Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Thịt gà tươi	x
25	Công ty TNHH TM Xuất nhập khẩu tổng hợp & DV Hùng Nhơn- Ấp Đồng Búa, xã Thuận Phú- huyện Đồng Phú- tỉnh Bình Phước	Cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến: Cơ sở Phong Hiền. Đ/C: Ấp Bàu Trâm, xã Bàu Trâm, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.	Cơ sở Phong Hiền- Ấp Bàu Trâm, xã Bàu Trâm, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Thịt gà tươi	x
26			Công ty TNHH TMDV Siêu thị Coopmart Biên Hòa- 121 Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Thịt gà tươi	x
27			Chi nhánh Công ty TNHH TMDV và Phân phối Tổng hợp tại Đồng Nai- Số 1135 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Thịt gà tươi	x
28			Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam- Chi nhánh Đồng Nai- Lô B-03 Khu Thương Mại Amata-Quốc Lộ 1A, Phường Long Bình- TP.Biên Hòa-Tỉnh Đồng Nai.	Thịt gà tươi	x
29	Trại chăn nuôi Lê Thị Minh Trang. Ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Nhà máy lựa trứng Đồng Nai. Số 23, lô 12, đường 2A, KCN Biên Hòa 2, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Cơ sở kinh doanh Nguyễn Thị Kim Phượng. 326, Phạm Văn Thuận, QL15, khu phố 2, phường Thống Nhất, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Trứng gà	
	Trại chăn nuôi Đỗ Trọng Minh. Ấp Tân Thành, xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai				
	Trại chăn nuôi Phạm Thị Khánh Vân B. Tổ 3, khu chung cư ấp Tân Lập, xã Phước Tân, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai				
	Trại chăn nuôi Phạm Thị Khánh Vân C. Tổ 3, khu chung cư ấp Tân Lập, xã Phước Tân, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai				
	Trại chăn nuôi Phan Ngọc Xuân. Ấp Tân Thành, xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai				
30	Trại chăn nuôi Lê Thị Minh Trang. Ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom, tỉnh		Cơ sở kinh doanh Giáp Văn	Trứng	

	Đồng Nai		Thịnh. 86C4, khu phố 11, phường Tân Phong, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	gà	
	Trại chăn nuôi Đỗ Trọng Minh. Ấp Tân Thành, xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai				
	Trại chăn nuôi Phạm Thị Khánh Vân B. Tổ 3, khu chung cư ấp Tân Lập, xã Phước Tân, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai				
	Trại chăn nuôi Phạm Thị Khánh Vân C. Tổ 3, khu chung cư ấp Tân Lập, xã Phước Tân, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai				
	Trại chăn nuôi Phan Ngọc Xuân. Ấp Tân Thành, xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai				
31	Trại chăn nuôi Lê Thị Minh Trang. Ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai				
	Trại chăn nuôi Đỗ Trọng Minh. Ấp Tân Thành, xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai				
	Trại chăn nuôi Phạm Thị Khánh Vân B. Tổ 3, khu chung cư ấp Tân Lập, xã Phước Tân, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai		Cơ sở kinh doanh Nguyễn Thanh Hoàn. 22/5A, khu phố 1, phường Tam Hòa, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Trứng gà	
	Trại chăn nuôi Phạm Thị Khánh Vân C. Tổ 3, khu chung cư ấp Tân Lập, xã Phước Tân, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai				
	Trại chăn nuôi Phan Ngọc Xuân. Ấp Tân Thành, xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai				
32	Trại chăn nuôi Lê Thị Minh Trang. Ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai				
	Trại chăn nuôi Đỗ Trọng Minh. Ấp Tân Thành, xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai				
	Trại chăn nuôi Phạm Thị Khánh Vân B. Tổ 3, khu chung cư ấp Tân Lập, xã Phước Tân, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai		Cơ sở kinh doanh Đào Đình Hùng. 13/3A, khu phố 1, phường Tam Hòa, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Trứng gà	
	Trại chăn nuôi Phạm Thị Khánh Vân C. Tổ 3, khu chung cư ấp Tân Lập, xã Phước Tân, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai				
	Trại chăn nuôi Phan Ngọc Xuân. Ấp Tân Thành, xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai				
33	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Văn Tánh	Cơ sở giết mổ Anh Hoàng Thy xã Thạnh Phú - Vĩnh Cửu	Võ Thị Thu Sương - sạp TS 14 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
34			Triệu Hồng - sạp TS 52 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
35			Trần Thị Đan Thanh - sạp TS 35 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
36			Hồ Thị Mỹ Hạnh - sạp TS 28 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
37			Lê Thị Kiều Ngân - sạp TS 40 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo	

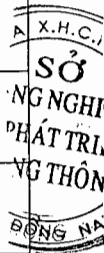
				tươi	
38		Nguyễn Tiến Hòa - chợ Tam Hòa, Tp. Biên Hòa	Phùng Thị Bích Liên – sạp TS 04 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
39		Nguyễn Thị Liễu - chợ Tam Hòa, Tp. Biên Hòa	Huỳnh Thị Huệ – sạp TS 36 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Thịt gà tươi	
40		Bùi Thị Hương - chợ Tam Hòa, Tp. Biên Hòa	Lưu Yến Tuyết – sạp TS 13 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Thịt gà tươi	
41		Cơ sở giết mổ Rạng Đông, P. Tân Biên, Tp. Biên Hòa	Trương Thị Ngọc Mỹ – sạp TS 44 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
42			Lê Thị Kim Cương – sạp TS 60 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
43			Nguyễn Thị Tuyết Nga – sạp TS 75 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
44		Nguyễn Minh Tuấn – Tx. Dĩ An, Bình Dương	Nguyễn Thị Cát – sạp TS 76 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Thịt bò tươi	
45		Nguyễn Văn Dũng – P. Tân Mai, Tp. Biên Hòa	Đặng Thị Huệ – sạp TS 12 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Thịt bò tươi	
46		Lò mổ Viêt Dũng – P. Long Bình, Tp. Biên Hòa	Ngô Thị Thu – chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Thịt bò tươi	
47	Nguyễn Thị Minh Châu		Nguyễn Thị Minh Châu – sạp TS 46 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
48	Nguyễn Xuân Sơn		Nguyễn Xuân Sơn – sạp TS 96 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
49	Huỳnh Kim Liên		Huỳnh Kim Liên – chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
50	Lê Thị Nụ		Lê Thị Nụ – sạp TS 63 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
51	Khu vực rau xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu		Mai Thị Nhỏ – sạp TS 90 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
52		Vựa rau Tình Phát, Thảo giá (chợ đầu mối Thủ Đức)	Nguyễn Thị Nguyệt – sạp TS 13 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
53		Vựa 6 Kim (chợ đầu mối Thủ Đức)	Lê Thị Minh Phương – sạp TS 80 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
54		Cô Thảo (chợ đầu mối Hố Nai)	Nguyễn Thị Ngọc Huệ – sạp TS 70 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	

55			Lê Thị Ngọc – sạp TS 39 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
56		Vựa rau Anh Long (chợ Biên Hòa)	Trần Thị Kim – sạp TS 47 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
57			Võ Kim Lan – sạp TS 87 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
58		Anh Bảo (chợ Biên Hòa)	Huỳnh Kim Phụng - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
59		Nguyễn Thị Nụ (chợ Phúc Hải)	Trần Bùi Thơm – sạp TS 66 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
60		Lê Thị Minh Phương (chợ Tân Bình)	Tôn Tăng Tôn Nữ Thị Bạch – sạp TS 71 - chợ Tân Bình huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
61			Nguyễn Thị Thêu – sạp Lifsap B2 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
62			Nguyễn Thị Nhung – sạp Lifsap B9 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
63		- Cơ sở giết mổ Thân Hương – Kp 6, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu.	Phạm Thị Đoài – sạp Lifsap C9 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
64		- Cơ sở phân phối Nguyễn Xuân Kiên – Kp 6, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu.	Nguyễn Thị Sáu – sạp Đẩu hồi Lifsap – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
65			Phạm Thị Hồng – sạp Lifsap D7 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
66			Bùi Thị Vù – sạp Lifsap D8 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
67		- Cơ sở giết mổ Thân Hương – Kp 6, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu.	Phan Thị Hương – sạp Lifsap A1 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
68		- Cơ sở phân phối Nguyễn Văn Bạo – Kp 5, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu.	Lê Thị Kim Nga – sạp Lifsap C14 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
69			Dương Thị Bình – sạp Lifsap B3 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
70		- Cơ sở giết mổ Thân Hương – Kp 6, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu.	Phạm Thị Quyên – sạp Lifsap D12 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	



71		- Cơ sở phân phối Nguyễn Thành Lương – Kp 5, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu.	Võ Thị Thu Hà – sạp Lifsap B10 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
72			Nguyễn Thị Vân Thùy – sạp Lifsap C6 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
73			Nguyễn Thị Vân Trang – sạp Lifsap D1 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
74			Vũ Thị Nam – sạp Lifsap A14 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
75		- Cơ sở giết mổ Thân Hương – Kp 6, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu. - Cơ sở phân phối Đoàn Thị Vân – Kp 8, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu.	Hoàng Minh Tứ – sạp Lifsap C3 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
76			Nguyễn Thị Ngọc Lan – sạp Lifsap C4 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
77			Lê Thị Nhiên – sạp Lifsap C5 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
78			Huỳnh Thị Mai – sạp Lifsap A9 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
79			Trần Thị Kim Lan – sạp Lifsap C11 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
80			Nguyễn Thị Kim Liên – sạp Lifsap D14 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
81			Võ Thị Quỳnh Trang – sạp Đầu hồi Lifsap – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
82		- Cơ sở giết mổ Thân Hương – Kp 6, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu.	Đồng Thị Hạnh – sạp Lifsap C10 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
83		- Cơ sở phân phối Trần Thị Màu – Kp 5, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu.	Phạm Thị Nhung – sạp Lifsap A10 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt heo tươi	
84		Lò mổ Cẩm Tú – P. Tân Biên, Tp. Biên Hòa	Bùi Thị Phần – sạp Lifsap A12 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt gà tươi	
85			Phạm Thị Ngoan – sạp Lifsap	Thịt gà	

			B9 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	tươi	
86			Nguyễn Thị Ty – sạp Lifsap B14 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt gà tươi	
87		Cơ sở phân phối Nguyễn Thị Vân - Ấp Bắc Hợp, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom	Nguyễn Thị Bình – sạp Lifsap C8 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt gà tươi	
88		Cơ sở phân phối Lại Thị Bưởi - Ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom	Nguyễn Thị Nguyệt – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt gà tươi	
89			Dương Thị Hằng – sạp Lifsap B4 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt bò tươi	
90		Cơ sở phân phối Dương Thị Kim Oanh – P. Tân Biên, Tp. Biên Hòa	Nguyễn Thị Viễn – sạp Lifsap B6 – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt bò tươi	
91			Lê Thị Vui – sạp Đâu hồi Lifsap – chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Thịt bò tươi	
92	Nguyễn Thị Huệ tổ 1, Kp2, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Nguyễn Thị Huệ tổ 1, Kp2, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Nguyễn Thị Hòa - Sạp 162 - chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
93			Phạm Thị Vân - Sạp 131 - chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
94	Phạm Văn Duẩn, tổ 2, Kp3, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu		Nguyễn Thị Nụ - chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
95		Nguyễn Thị Diễm – P. Hố Nai, Tp. Biên Hòa	Trần Thị Nụ - sạp 270 - chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
96		Phạm Thị Khấn – P. Tân Biên, Tp. Biên Hòa	Phạm Thị La - chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
97		Đoàn Thị Diễm – P. Tân Biên, Tp. Biên Hòa	Lê Quốc Tuấn - chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
98		Nguyễn Thị Là – P. Thống Nhất, Tp. Biên Hòa	Trần Hồng Quang - chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
99		Trần Quý Dương – xã Thy Mỹ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Trần Văn Nam - chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
100			Lưu Thị Huệ - chợ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Rau, củ, quả	
101		Lò giết mổ Trần Văn Đức – xã Tà Lài, huyện Tân Phú	Văn Hùng Cường – sạp 06 – chợ Phú Lập, huyện Tân Phú	Thịt heo tươi	



102			Trần Văn Đức – sạp 08 – chợ Phú Lập, huyện Tân Phú	Thịt heo tươi	
103		HTX Hiệp Nhất – xã Phú Lâm, huyện Tân Phú	Phạm Ngọc Cường – sạp 44 – chợ Phương Lâm, huyện Tân Phú	Thịt heo tươi	
104			Phạm Thanh Phục – sạp 18 – chợ Phương Lâm, huyện Tân Phú	Thịt heo tươi	
105			Tạ Thị Thu Lan – sạp 27 – chợ Phương Lâm, huyện Tân Phú	Thịt heo tươi	
106			Trần Thị Ngọc Lan – sạp 51 – chợ Phương Lâm, huyện Tân Phú	Thịt heo tươi	
107			Lại Thị Mai Thi – sạp 34 – chợ Phương Lâm, huyện Tân Phú	Thịt heo tươi	
108			Nguyễn Thị Khuyển – sạp 61 – chợ Phương Lâm, huyện Tân Phú	Thịt heo tươi	
109	Vùng rau huyện Tân Phú	Vùng rau huyện Tân Phú	Lê Thị Hồng Hoa – sạp 21 – chợ Phú Lập, huyện Tân Phú	Rau, củ, quả	
110			Đinh Văn Sơn – sạp 14 – chợ Phú Lập, huyện Tân Phú	Rau, củ, quả	
111			Trần Thị Chín - sạp A25 - chợ Phương Lâm, huyện Tân Phú	Rau, củ, quả	
112			Nguyễn Thị Liễu - Sạp A21 - chợ Phương Lâm, huyện Tân Phú	Rau, củ, quả	
113	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Phi Vinh. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Lò mổ Hòa Hợp. Ấp Hòa Hợp, xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Sạp tiểu thương Nguyễn Thị Mỹ Hoa. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Thịt heo tươi	
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thanh Hồng. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Hương. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Kim Chi. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Văn Nhân. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Quang Minh. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Quang Tuyền. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thành Trung. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Phạm Thị Loan. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Trần Kim Thanh. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Trần Ngọc Tiến. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Trần Thương Dũng. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Trần Trọng Nghĩa. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Phi Vinh. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai		Sạp tiểu thương Nguyễn Thị	Thịt	

[illegible]

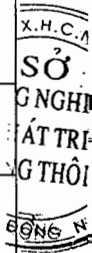
[illegible]

	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thành Trung. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Phạm Thị Loan. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Trần Kim Thanh. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Trần Ngọc Tiến. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Trần Thương Dũng. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Trần Trọng Nghĩa. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
121	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Phi Vinh. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai		Sạp tiểu thương Huỳnh Thị Lý. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Thịt heo tươi	
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thanh Hồng. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Hương. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Kim Chi. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Văn Nhân. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Quang Minh. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Quang Tuyền. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thành Trung. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Phạm Thị Loan. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Trần Kim Thanh. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Trần Ngọc Tiến. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Trần Thương Dũng. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Trần Trọng Nghĩa. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
122		Lò mổ Xuân Phương. Ấp 9, xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai	Sạp tiểu thương Trần Thị Thanh. Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Thịt heo tươi	
123	Cơ sở chăn nuôi Trịnh Thanh Bình. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai		Sạp tiểu thương Trần Thị Hà. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Thịt heo tươi	
	Cơ sở chăn nuôi Dương Văn Mậm. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Lã Đức Tuấn. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Lao Vi Bằng. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Ngọc Hải. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Thu Vân. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
124	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Văn Luận. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Cơ sở giết mổ Thi Thọ. Xã Bầu Trâm, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Sạp tiểu thương Trần Thị Mai Hương. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Thịt heo tươi	
	Cơ sở chăn nuôi Trịnh Thanh Bình. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Dương Văn Mậm. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Lã Đức Tuấn. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Lao Vi Bằng. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Ngọc Hải. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
125	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Thu Vân. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai		Sạp tiểu thương Lã Thị Mai Hoa. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Thịt heo tươi	
	Cơ sở chăn nuôi Trịnh Thanh Bình. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Dương Văn Mậm. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Lã Đức Tuấn. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Lao Vi Bằng. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Ngọc Hải. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Thu Vân. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Thu Vân. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				



126	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Văn Luận. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai		Sáp tiểu thương Nguyễn Thị Chi. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Thịt heo tươi	
	Cơ sở chăn nuôi Trịnh Thanh Bình. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Dương Văn Mậu. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Lã Đức Tuấn. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Lao Vi Bằng. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Ngọc Hải. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Thu Vân. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Văn Luận. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
127	Cơ sở chăn nuôi Trịnh Thanh Bình. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai		Sáp tiểu thương Trần Thị Hương. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Thịt heo tươi	
	Cơ sở chăn nuôi Dương Văn Mậu. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Lã Đức Tuấn. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Lao Vi Bằng. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Ngọc Hải. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Thu Vân. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Văn Luận. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Trịnh Thanh Bình. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
128	Cơ sở chăn nuôi Dương Văn Mậu. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai		Sáp tiểu thương Lã Thị Mai Thi. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Thịt heo tươi	
	Cơ sở chăn nuôi Lã Đức Tuấn. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Lao Vi Bằng. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Ngọc Hải. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Thu Vân. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Văn Luận. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Văn Phước. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Phạm Minh Toàn. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
129	Cơ sở chăn nuôi Phạm Thị Hồng Tý. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai		Sáp tiểu thương Trương Thị Hồng Loan. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Thịt heo tươi	
	Cơ sở chăn nuôi Phan Quốc Kỳ. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Phùng Văn Quang. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Văn Phước. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
130	Cơ sở chăn nuôi Phạm Minh Toàn. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Lò mổ Đoàn Thu. Ấp Bàu Trâm, xã Bàu Trâm, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Sáp tiểu thương Lê Thị Cúc. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Thịt heo tươi	
	Cơ sở chăn nuôi Phạm Thị Hồng Tý. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Phan Quốc Kỳ. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Phùng Văn Quang. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
131	Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Văn Phước. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai		Sáp tiểu thương Nguyễn Thị Ngọc Lý. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Thịt heo tươi	
	Cơ sở chăn nuôi Phạm Minh Toàn. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Phạm Thị Hồng Tý. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
	Cơ sở chăn nuôi Phan Quốc Kỳ. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
132	Cơ sở chăn nuôi Lê Văn Trà. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Lò mổ Hòa Hợp. Ấp Hòa Hợp, xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Sáp tiểu thương Phan Thị Kim Hạnh. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Thịt heo tươi	
	Cơ sở chăn nuôi Lê Văn Xuân. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				
133	Cơ sở chăn nuôi Lê Văn Trà. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai		Sáp tiểu thương Đinh Thị Hồng. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Thịt heo	
	Cơ sở chăn nuôi Lê Văn Xuân. Xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai				

			Khánh, tỉnh Đồng Nai	tươi	
134			Phan Thị Tuyết – sạp 01 – chợ Gia Ray, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
135			Nguyễn Thị Tuyên – sạp 02 – chợ Gia Ray, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
136			Trần Thị Kim Phụng – sạp 04, 05 – chợ Gia Ray, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
137			Nguyễn Thị Tư – sạp 06 – chợ Gia Ray, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
138			Trần Thị Vân – sạp 07 – chợ Gia Ray, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
139		Lò mổ Yến Thanh. Ấp Trung Lương, xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc	Nguyễn Thị Thanh Tuyên – sạp 09 – chợ Gia Ray, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
140			Nguyễn Thị Thơm – sạp 11 – chợ Gia Ray, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
141			Dương Thị Bình – sạp 12 – chợ Gia Ray, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
142			Huyện Đức Minh – sạp 13 – chợ Gia Ray, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
143			Nguyễn Thị Kim Lan – sạp 18 – chợ Gia Ray, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
144			Trần Thị Vinh – sạp 23,24 – chợ Gia Ray, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
145		HTX Lộc Tiến. Ấp Tân Tiến, xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc	Trần Thị Minh Châu – sạp 83 – chợ Gia Ray, huyện Xuân Lộc	Rau ăn lá	
146		Lò mổ Hòa Hợp. Ấp Hòa Hợp, xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Ngô Thị Huệ - sạp B11 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
147			Nguyễn Thị Mai - sạp B13 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	



148			Ngô Thị Thanh Hà - sạp B16 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
149			Nguyễn Thị Trinh - sạp B21 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
150			Nguyễn Thị Hải - sạp B22 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
151			Ngô Thị Mận - sạp B24 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
152			Phạm Thị Mai - sạp B27 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
153			Nguyễn Thị Huyền - sạp B28 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
154			Nguyễn Thị Kim Nguyệt - sạp B30 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
155			Đinh Thị Hồng - sạp B32 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
156			Đặng Thị Phương Thảo - sạp B35 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
157			Nguyễn Thị Kim Liên - sạp B42 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
158			Nguyễn Thị Thanh Thu - sạp B45 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
159			Dương Thị Hường – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
160			Nguyễn Thị Thoa - sạp B33 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
161			Nguyễn Thị Huệ - sạp B31 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
162			Phạm Thị Thái Thanh - sạp B39	Thịt	

		- chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	heo tươi	
163		Nguyễn Thị Mỹ - sạp B15 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Lòng heo	
164		Phạm Thị Nguyệt - sạp B18 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
165		Nguyễn Thị Lan - sạp B19 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
166		Hà Thị Hà - sạp B20 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
167		Lê Thị Hòa - sạp B25 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
168		Nguyễn Thị Nhiên - sạp B36 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
169		Nguyễn Thị Hồng Liên - sạp B38 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Lòng heo	
170		Nguyễn Trần Hương Lan - sạp B40 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
171		Phạm Thị Diễm Thúy - sạp B41 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
172		Nguyễn Thị Ánh - sạp B44 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
173		Trần Thị Tuyết Mai - sạp B46 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
174		Trần Thị Thúy Nga - sạp B47 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
175		Trần Thị Thu Thảo - sạp B48 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
176		Vũ Thị Tuyết Minh - sạp B49 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	

177			Phạm Thị Kim Liên - sạp B50 – chợ Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	Thịt heo tươi	
178	Trang trại nấm Nguyễn Đức Huy (ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)	Doanh nghiệp tư nhân Nấm Nguyễn (Đ/c: số 33, ấp Suối Tiên, đường Sông Trầu-Cây Gáo-Vĩnh Tân, xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)	Doanh nghiệp tư nhân Nấm Nguyễn (Đ/c: số 33, ấp Suối Tiên, đường Sông Trầu-Cây Gáo-Vĩnh Tân, xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)	Nấm bào ngư	x
179	Trang trại nấm Nguyễn Thanh Bình (ấp 7, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)		Siêu thị BigC Đồng Nai (Đ/c: Khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)	Nấm bào ngư	x
180	Trang trại nấm Nguyễn Toàn (ấp 3, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)		Siêu thị BigC Tân Hiệp (Đ/c: 1135, đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố 2, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)	Nấm bào ngư	x
181			Siêu thị BigC Nguyễn Thị Thập (Đ/c: Lô A, Khu dân cư Cityland, số 99, đường Nguyễn Thị Thập, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh)	Nấm bào ngư	x
182			Siêu thị BigC An Phú (Đ/c: tầng B1, khu Phức Hợp Cantavil, An Phú, phường An Phú, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh)	Nấm bào ngư	x
183			Siêu thị BigC An Lạc (Đ/c: 1231, đường Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh)	Nấm bào ngư	x
184	Trang trại nấm Lê Đôn Quân (ấp7, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)		Siêu thị BigC Dĩ An (Đ/c: Phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương)	Nấm bào ngư	x
185			Siêu thị BigC Gò Vấp (Đ/c: 792, đường Nguyễn Kiệm, phường 3, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh)	Nấm bào ngư	x
186			Siêu thị BigC Miền Đông (Đ/c: 138A, đường Tô Hiến Thành, Cư xá Bắc Hải, phường 15,	Nấm bào ngư	x

			Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh)		
187	Trang trại nấm Tô Mỹ Trân (ấp7, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)		Siêu thị Co.op Mart Lý Thường Kiệt (Đ/c: 497, đường Hòa Hảo, phường 7, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh)	Nấm bào ngư	x
188			Siêu thị Co.op Mart Đinh Tiên Hoàng (Đ/c: 127, đường Đinh Tiên Hoàng, phường 3, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh)	Nấm bào ngư	x
189			Siêu thị Co.op Mart Nguyễn Đình Chiểu (Đ/c: 168, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh)	Nấm bào ngư	
190			Siêu thị Co.op Mart Xa lộ Hà Nội (Đ/c: 191, đường Quang Trung, phường Hiệp Phú, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh)	Nấm bào ngư	x
191	Trang trại sản xuất Nấm của Công ty TNHH MTV thực phẩm Ánh Nhi (Đ/c: 228, tổ 6, ấp 4, xã Sông trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)	Công ty TNHH Thực phẩm Ánh Nhi (Đ/c: 38, tổ 2, ấp 2, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)	Công ty TNHH Thực phẩm Ánh Nhi (Đ/c: 38, tổ 2, ấp 2, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)	Nấm bào ngư	x
192			Siêu thị Co.op Mart Hòa Bình (Đ/c: 175, đường Hòa Bình, phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh)	Nấm bào ngư	x
193			Siêu thị Co.op Mart Văn Thánh (Đ/c: Tòa nhà Pearl Plaza, 561A, đường Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh)	Nấm bào ngư	x
194			Siêu thị Co.op Mart Nguyễn Kiệm (Đ/c: 571-573, đường Nguyễn Kiệm, phường 9, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh).	Nấm bào ngư	x
195			Siêu thị Co.op Xtra Tân Phong (Đ/c: 1058, đường Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh)	Nấm bào ngư	x
196			Siêu thị Co.op Mart Phan Văn	Nấm	x

			Trị (Đ/c: 543/1, đường Phan Văn Trị, phường 7, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh)	bảo ngư	
197			Siêu thị Co.op Mart Phú Thọ (Đ/c: Khu A, Chung cư Phú Thọ, phường 15, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh)	Nắm bảo ngư	x
198			Đại Siêu thị Co.op Xtra Thủ Đức (Đ/c: 934, đường Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh)	Nắm bảo ngư	x
199			Siêu thị Co.op Mart Xa lộ Hà Nội (Đ/c: 191, đường Quang Trung, phường Hiệp Phú, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh)	Nắm bảo ngư	x
200			Sạp N2-02, chợ B - Chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm Thủ Đức (Đ/c: 31/5, đường Quốc lộ 1A, phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh)	Nắm bảo ngư	x
201			Siêu thị Co.opMart Biên Hòa (Đ/c: 121, đường Quốc lộ 15, khu phố 4, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)		x



Phụ lục 4:

Kết quả giám sát an toàn thực phẩm

(Định kèm Báo cáo số: 9724/BC-SNN ngày 14/10/2018)

Bảng 1: Năm 2016

STT	Loại mẫu giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Mẫu vi phạm trong kỳ báo cáo		
			Số mẫu vi phạm/số mẫu giám sát	Chỉ tiêu vi phạm	Tỷ lệ vi phạm (%)
1	Thịt tươi các loại	Chất cấm	0/39	-	0
		Hóa chất, kháng sinh			
		Vi sinh			
2	Thịt chế biến	Chất cấm	0/24	-	0
		Hóa chất, kháng sinh			
		Vi sinh			
3	Rau, củ, quả	Thuốc BVTV	10/287	Chlorpirifos, Carbendazim	3,48
		Vi sinh	0/287		0
		Nitrate, Lân hữu cơ	5/287	Nitrate	1,74
4	Sản phẩm nguồn gốc thực vật khác (măng, dưa muối, chè, cà phê...)	Vi sinh			
		Hóa chất, thuốc BVTV			
		Chất cấm			
5	Thủy sản nuôi	Kháng sinh cấm, chất cấm			
		Hóa chất, kháng sinh			
		Vi sinh			
6	Thủy sản chế biến	Chất cấm			
		Hóa chất, kháng sinh			
		Vi sinh			

Bảng 2: Năm 2017

STT	Loại mẫu giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Mẫu vi phạm trong kỳ báo cáo		
			Số mẫu vi phạm/số mẫu giám sát	Chỉ tiêu vi phạm	Tỷ lệ vi phạm (%)
1	Thịt tươi các loại	Chất cấm	0/331	-	0,13
		Hóa chất, kháng sinh	1/407		
		Vi sinh			
2	Thịt chế biến	Chất cấm	1/17	Hàn the	16,13
		Hóa chất, kháng sinh	4/14	Sodium erythorbate, Acid ascorbic	
		Vi sinh			

STT	Loại mẫu giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Mẫu vi phạm trong kỳ báo cáo		
			Số mẫu vi phạm/số mẫu giám sát	Chỉ tiêu vi phạm	Tỷ lệ vi phạm (%)
3	Rau, củ, quả	Thuốc BVTV	1/452	Nhóm lân hữu cơ và carbamate	0,22
		Vi sinh			
4	Sản phẩm nguồn gốc thực vật khác (măng, dừa muối, chè, cà phê, ...)	Vi sinh			
		Hóa chất, thuốc BVTV	0/2	-	0
		Chất cấm			
5	Thủy sản nuôi	Kháng sinh cấm, chất cấm			
		Hóa chất, kháng sinh	0/70	-	0
		Vi sinh			
6	Thủy sản chế biến	Chất cấm			
		Hóa chất, kháng sinh			
		Vi sinh			

Bảng 3: 6 tháng đầu năm 2018

STT	Loại mẫu giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Mẫu vi phạm trong kỳ báo cáo		
			Số mẫu vi phạm/số mẫu giám sát	Chỉ tiêu vi phạm	Tỷ lệ vi phạm (%)
1	Thịt tươi các loại	Chất cấm	0/98	-	0
		Hóa chất, kháng sinh			
		Vi sinh			
2	Thịt chế biến	Chất cấm	0/5	-	0
		Hóa chất, kháng sinh			
		Vi sinh			
3	Rau, củ, quả	Thuốc BVTV	02/306	Cypermethrine	0,65
		Vi sinh			
4	Sản phẩm nguồn gốc thực vật khác (măng, dừa muối, chè, cà phê, ...)	Vi sinh	0/2	-	0
		Hóa chất, thuốc BVTV	0/7	-	0
		Chất cấm	0/13	-	0
5	Thủy sản nuôi	Kháng sinh cấm, chất cấm	0/4	-	0
		Hóa chất, kháng sinh			
		Vi sinh	0/4	-	0
6	Thủy sản chế biến	Chất cấm			
		Hóa chất, kháng sinh			
		Vi sinh			



Phụ lục 5:

Kết quả cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Định kèm Báo cáo số: 324/BC-SNN ngày 04/10/2018)

Bảng 1: Năm 2016

STT	Các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP năm 2016				
		Tổng số cơ sở thuộc phạm vi quản lý	Tổng số cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy (trừ cơ sở sản xuất ban đầu không cấp giấy)	Tổng số cơ sở đã được cấp mới	Lũy kế số cơ sở đã được cấp giấy	Tỷ lệ so với TS cơ sở phải cấp giấy (%)
I	Chuỗi sản phẩm động vật	571	197	44	150	76,14
II	Chuỗi sản phẩm thực vật	349	338	97	120	35,5
III	Chuỗi sản phẩm thủy sản	6	6	4	4	66,66
	Tổng	926	541	145	274	50,65

Bảng 2: Năm 2017

STT	Các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP năm 2017				
		Tổng số cơ sở thuộc phạm vi quản lý	Tổng số cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy (trừ cơ sở sản xuất ban đầu không cấp giấy)	Tổng số cơ sở đã được cấp mới	Lũy kế số cơ sở đã được cấp giấy	Tỷ lệ so với TS cơ sở phải cấp giấy (%)
I	Chuỗi sản phẩm động vật	582	297	126	276	92,93
II	Chuỗi sản phẩm thực vật	427	349	211	331	94,84
III	Chuỗi sản phẩm thủy sản	22	21	16	20	95,24
	Tổng	1031	667	353	627	94

Bảng 3: 6 tháng đầu năm 2018

STT	Các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP 6 tháng đầu năm 2018				
		Tổng số cơ sở thuộc phạm vi quản lý	Tổng số cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy (trừ cơ sở sản xuất ban đầu không cấp giấy)	Tổng số cơ sở đã được cấp mới	Lũy kế số cơ sở đã được cấp giấy	Tỷ lệ so với TS cơ sở phải cấp giấy (%)
I	Chuỗi sản phẩm động vật	600	314	25	301	95,86
II	Chuỗi sản phẩm thực vật	446	361	10	341	94,46
III	Chuỗi sản phẩm thủy sản	22	21	0	20	95,24
	Tổng	1068	696	35	662	95,11